



BẢN TIN ĐIỆN TỬ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

RESEARCH BULLETIN

SỐ 07 - THÁNG 07/2019 - VOLUME: – JULY 2020

LƯU HÀNH NỘI BỘ

® Bản tin này được tổng hợp từ các báo cáo, đề tài nghiên cứu định kỳ hàng tháng liên quan đến lĩnh vực kinh tế tài chính – ngân hàng của các tổ chức quốc tế WB, ADB, IMF, BIS và thông tin kết quả nghiên cứu của các đề tài cấp nhà nước, cấp ngành của NHNN, các Bộ, ngành TW của Việt Nam, các thông tin Hội thảo của các Viện nghiên cứu, trường đại học, ấn phẩm khoa học của các NXB có uy tín tại Việt Nam phù hợp với quy định pháp luật về báo chí và bản quyền.

® Mọi quan điểm, nội dung trong Bản tin đều được dịch hoặc căn cứ vào thông tin khoa học chính thống, chỉ có hàm ý cung cấp thông tin tham khảo mà không phản ánh ý kiến hay quan điểm của Ban Biên tập cũng như của Viện CLNH. Người đọc chỉ nên sử dụng Bản tin nội bộ như là thông tin tham khảo.

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

VIỆN CHIẾN LƯỢC NGÂN HÀNG

Bản tin phát hành định kỳ hàng tháng, được gửi trực tiếp qua email và đăng tải trên Cổng thông tin khoa học và công nghệ ngành Ngân hàng:
khoahocnganhang.org.vn

Liên hệ

Email:

research.bsi@sbv.gov.vn

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Địa chỉ:

Tầng 9, tòa nhà 504 Xã Đàn,
quận Đống Đa,
Tp. Hà Nội.



THÔNG TIN KHOA HỌC QUỐC TẾ			
NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ			
3 thập kỷ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu: Điều nào chúng ta đã học được và vẫn cần phải thực hiện?	Những thách thức ngày càng tăng của Ngân hàng Trung ương trên Thế giới và Nhật Bản: Lạm phát thấp, Chính sách tiền tệ và Tiền tệ kỹ thuật số	Nghiên cứu khảo sát về tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương	Các cú sốc và cách thức quản lý các dòng vốn tương ứng trong các nền kinh tế mới nổi
Nghiên cứu này nhấn mạnh những bài học từ cuộc khủng hoảng tài chính châu Á, khủng hoảng tài chính toàn cầu và khủng hoảng nợ công châu Âu để xác định những điều có thể thực hiện thêm nhằm củng cố các hệ thống tài chính. Chi tiết	Các ngân hàng trung ương đang phải đối mặt với một loạt các thách thức đang gia tăng từ các xu hướng gần đây như dân số già, năng suất thấp, và công nghệ và tiền bộ mới. Chi tiết	Bài viết này nghiên cứu các vấn đề xung quanh việc đồng tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương được công chúng sử dụng, dựa trên đánh giá toàn diện các nghiên cứu gần đây, các thử nghiệm của ngân hàng trung ương, và các cuộc thảo luận đang diễn ra giữa các bên liên quan. Chi tiết	Nhóm tác giả nghiên cứu việc quản lý tối ưu các dòng vốn trong một nền kinh tế nhỏ và mở cửa với các xung đột tài chính và nhiều công cụ chính sách. Chi tiết
BIS - Báo cáo kinh tế hàng năm 2020	Năng suất chậm lại và tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của Trung Quốc		
Đại dịch Covid-19 là cú sốc tàn khốc nhất tấn công nền kinh tế toàn cầu kể từ Thế chiến thứ hai. Các chính sách để kiểm chế virus đã cắt giảm hoạt động kinh tế sâu sắc. Đặc điểm độc đáo của cuộc suy thoái lần này đặt ra những thách thức chính sách không mấy quen thuộc. Chi tiết	Tiềm năng tăng trưởng của Trung Quốc vẫn còn cao, nhưng triển vọng tăng trưởng dài hạn của nước này phụ thuộc vào việc đảo ngược tình trạng suy giảm gần đây về tăng trưởng năng suất yếu tố tổng hợp. Chi tiết		

NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ CHUYÊN SÂU

TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ HỌC MÁY TRONG CÁC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG VÀ CÁC TÁC ĐỘNG TỚI ỔN ĐỊNH TÀI CHÍNH

Báo cáo này phân tích các tác động tiềm năng của ổn định tài chính từ việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và học máy vào trong các dịch vụ tài chính. Báo cáo được xây dựng bởi nhóm chuyên gia của Mạng lưới đổi mới tài chính của FSB (FIN). Báo cáo dựa trên các cuộc thảo luận với doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu học thuật, các báo cáo khu vực công và tư nhân và công việc thực tế ở các tổ chức thành viên của FSB. Báo cáo phân tích tác động tiềm năng của ổn định tài chính khi các định chế tài chính ứng dụng AI nhiều hơn. Do có nhiều ứng dụng mới và việc ứng dụng dữ liệu còn hạn chế nên phải xem xét chúng theo từng khía cạnh nhỏ. [Chi tiết](#)

NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC		
THÔNG TIN ĐỀ TÀI TRONG NƯỚC		
MÃ SỐ	TÊN ĐỀ TÀI	CHỦ NHIỆM
ĐTNH.005/18	Tăng cường khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của SMEs Việt Nam. (Chi tiết)	TS. Trần Mạnh Hà, Học viện Ngân hàng
ĐTNH.006/18	Đánh giá thực trạng và tiềm năng du lịch xanh tại Việt Nam. (Chi tiết)	Nguyễn Văn Hà, Học viện Ngân hàng
ĐTNH.009/18	Giải pháp tăng cường sự tham gia của Việt Nam vào các tổ chức tài chính, tiền tệ, ngân hàng quốc tế trong thời kỳ mới. (Chi tiết)	ThS. Hoàng Thị Phương Hạnh – Phó Vụ trưởng, Vụ Hợp tác quốc tế, Ngân hàng nhà nước Việt Nam
ĐTNH.010/18	Hoàn thiện hệ sinh thái Công nghệ tài chính (Fintech) ở Việt Nam giai đoạn 2018-2025. (Chi tiết)	ThS. Nghiêm Thanh Sơn, Phó Vụ trưởng, Vụ Thanh toán, NHNN
ĐTNH.016/18	Phối hợp chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ trong rủi ro khủng hoảng nợ công. (Chi tiết)	PGS.TSKH. Nguyễn Ngọc Thạch, Viện trưởng Viện Nghiên cứu KH&CN ngân hàng, Đại học Ngân hàng TP.HCM
ĐTNH.017/18	Định hướng và các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. (Chi tiết)	TS. Nghiêm Xuân Thành - Chủ tịch Hội đồng Quản trị, NHTM cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB)

HỘI THẢO KHOA HỌC	ẤN PHẨM KHOA HỌC
NGÂN HÀNG SÁT CÁNҺ CÙNG DOANH NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH. (Chi tiết)	NGÂN HÀNG BIẾT TÌM KHÁCH HÀNG Ở ĐÂU? (Chi tiết)
HỘI THẢO TRỰC TUYẾN CẤP BỘ TRƯỞNG G20: “ỨNG PHÓ VỚI COVID-19 – KHÔI PHỤC DÒNG VỐN BỀN VỮNG VÀ TÀI CHÍNH PHÁT TRIỂN VỮNG MẠNH”. (Chi tiết)	CẨM NANG KINH TẾ HỌC. (Chi tiết)

BẢN TIN NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ**1. 3 thập kỷ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu: Điều nào chúng ta đã học được và vẫn cần phải thực hiện? (Three Decades of International Financial Crises: What Have We Learned and What Still Needs to be Done?).**

Nguồn: BIS

Tác giả: Buckley, Ross P; Avgouleas, Emiliios và Arner, Douglas W

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 17/6/2020

Khủng hoảng tài chính theo chu kỳ dường như là điều không thể tránh khỏi của các hệ thống tài chính dựa trên thị trường bất chấp sự xuất hiện của các công cụ và hệ thống quản lý rủi ro tinh vi. Nghiên cứu này so sánh 3 cuộc khủng hoảng chính trong 3 thế kỷ qua để chốt lại những bài học và những điều cần phải thực hiện. Những phát hiện của nghiên cứu này đặc biệt hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách giải quyết các tác động về tài chính của dịch bệnh do virus corona (COVID-19).

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Những thách thức ngày càng tăng của Ngân hàng Trung ương trên Thế giới và Nhật Bản: Lạm phát thấp, Chính sách tiền tệ và Tiền tệ kỹ thuật số (Growing Central Bank Challenges in the World and Japan: Low Inflation, Monetary Policy, and Digital Currency).

Nguồn: ADB

Tác giả: Sayuri Shirai

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 16/6/2020

Nghiên cứu cung cấp những thông tin cần thiết góp phần giúp cho các ngân hàng trung ương xem xét giải quyết những vấn đề toàn cầu cấp bách nhất hiện nay, bắt đầu với tỷ lệ lạm phát thấp và những tác động liên quan đến chính sách tiền tệ và điều phối chính sách phi truyền thống, bao gồm kích thích tài khóa. Nó cũng cung cấp những hiểu biết quan trọng đối với các vấn đề liên quan đến tiền ngân hàng trung ương, tiền tư nhân, sự xuất hiện của tài sản tiền ảo và triển vọng của tiền kỹ thuật số ngân hàng trung ương.

Phần 1 tập trung vào việc đánh giá lạm phát thấp liên tục ở các nền kinh tế tiên tiến và xem xét các công cụ tiền tệ nói chung phi truyền thống. Nghiên cứu tóm tắt các cuộc thảo luận gần đây về khuôn khổ chính sách tiền tệ có thể trở thành lựa chọn thay thế cho mục tiêu lạm phát linh hoạt hiện có, như mục tiêu lạm phát trung bình và mục tiêu về mức giá, cũng như điều phối chính sách, bao gồm chính sách tiền trực thăng (helicopter money) và chính sách tiền tệ hiện đại.

Phần 2 làm sáng tỏ các vấn đề liên quan đến tiền, tài sản tiền ảo và tiền kỹ thuật số ngân hàng trung ương trong các nền kinh tế tiên tiến và mới nổi. Nghiên cứu nhấn mạnh sự gia tăng toàn cầu về tiền mặt trong lưu thông và đưa ra cái nhìn toàn cảnh về chuyển

động gần đây của tiền khu vực tư nhân, bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ thanh toán tiền điện tử. Nghiên cứu cũng kiểm tra những phát hiện mới nhất về tài sản tiền ảo, bao gồm các loại khác nhau của tiền ảo và đồng Libra của Facebook, xem xét các đề xuất tiền kỹ thuật số ngân hàng trung ương và những thảo luận gần đây của các cơ quan quản lý trong khi kết hợp các quan điểm mới dựa trên sự bùng phát của dịch bệnh do virus corona (COVID-19) gây ra.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

3. Nghiên cứu khảo sát về tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương (A Survey of Research on Retail Central Bank Digital Currency).

Nguồn: IMF

Tác giả: John Kiff; Jihad Alwazir; Sonja Davidovic; Aquiles Farias; Ashraf Khan; Tanai Khiaonarong; Majid Malaika; Hunter K Monroe; Nobu Sugimoto; Hervé Tourpe; Peter Zhou

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 26/6/2020

Bài viết này nghiên cứu các vấn đề xung quanh việc đồng tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương được công chúng sử dụng, dựa trên đánh giá toàn diện các nghiên cứu gần đây, các thử nghiệm của ngân hàng trung ương, và các cuộc thảo luận đang diễn ra giữa các bên liên quan. Nghiên cứu xem xét các nguyên nhân lý giải tại sao các ngân hàng trung ương nghiên cứu phát hành tiền điện tử, các chính sách về tiền điện tử và các vấn đề về thiết kế; các khía cạnh pháp lý, quản trị và các quy định; cộng với các vấn đề về an ninh mạng và các rủi ro khác. Bài viết này đóng góp cho các nghiên cứu về tiền điện tử của ngân hàng trung ương bằng cách đề xuất một khung khổ cấu trúc để tổ chức các cuộc thảo luận về việc có nên phát hành tiền điện tử của ngân hàng trung ương hay không trên quan điểm về trọng tâm hoạt động và góc nhìn về quản lý dự án.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

4. Các cú sốc và cách thức quản lý các dòng vốn tương ứng trong các nền kinh tế mới nổi (Shocks Matter: Managing Capital Flows with Multiple Instruments in Emerging Economies).

Nguồn: IMF

Tác giả: Ruy Lama; Juan Pablo Medina

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 19/6/2020

Nhóm tác giả nghiên cứu việc quản lý tối ưu các dòng vốn trong một nền kinh tế nhỏ và mở cửa với các xung đột tài chính và nhiều công cụ chính sách. Nghiên cứu đã đưa ra hai phát hiện chính. Thứ nhất, việc can thiệp trên thị trường ngoại hối và các chính sách an toàn vĩ mô là các công cụ bổ sung cho lãi suất chính sách tiền tệ mà có thể giúp làm giảm phần lớn lạm phát và biến động sản lượng trong bối cảnh có các dòng

vốn ra. Thứ hai, hỗn hợp các chính sách tối ưu phụ thuộc vào các dòng vốn tạo nên các cú sốc tiềm năng. Việc can thiệp trên thị trường ngoại hối đóng vai trò quan trọng nhất trong việc đối phó với các cú sốc lãi suất ngoại tệ ở nước ngoài, trong khi chính sách vĩ mô trở thành công cụ nổi bật cho việc ứng phó với các cú sốc rủi ro trong nước. Những kết quả này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hiệu chỉnh việc sử dụng nhiều công cụ để ứng phó với các cú sốc tiềm năng gây ra bởi sự dịch chuyển của các dòng vốn.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

5. BIS - Báo cáo kinh tế hàng năm 2020 (BIS – Annual Economic Report 2020).

Nguồn: BIS

Tác giả: N/A

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế

Ngày xuất bản: 30/6/2020

Đại dịch Covid-19 là cú sốc tàn khốc nhất tấn công nền kinh tế toàn cầu kể từ Thế chiến thứ hai. Các chính sách để kiểm chế virus đã cắt giảm hoạt động kinh tế sâu sắc. Đặc điểm độc đáo của cuộc suy thoái lần này đặt ra những thách thức chính sách không mấy quen thuộc. Về phía cầu, việc phong tỏa và các biện pháp giãn cách xã hội không chỉ gây ra sự dừng lại đột ngột trong chi tiêu mà còn làm các gói kích thích chính sách trở nên kém hiệu quả. Về phía cung, các biện pháp ngăn chặn đã trực tiếp cản trở sản xuất, với hậu quả lan rộng qua các chuỗi cung ứng địa phương và toàn cầu. Thiệt hại chung có thể để lại những vết sẹo vĩnh viễn nếu thất nghiệp dai dẳng và theo đó là phá sản.

Đôi mắt sự ngừng trệ đột ngột chưa từng thấy trên toàn cầu này, các ngân hàng trung ương một lần nữa đi đầu trong các phản ứng chính sách. Họ đã hành động nhanh chóng và mạnh mẽ để ngăn chặn sự sụp đổ tài chính tiềm tàng làm trầm trọng thêm thiệt hại cho nền kinh tế. Họ ổn định hệ thống tài chính, tăng cường điều chỉnh cho các công ty và hộ gia đình, và khôi phục niềm tin ở mức độ có thể.

Các ngân hàng trung ương đóng một vai trò quan trọng trong việc duy trì sự an toàn và toàn vẹn của hệ thống thanh toán. Họ cung cấp nền tảng vững chắc bằng cách đóng vai trò là người bảo vệ sự ổn định của tiền và thanh toán. Đổi mới kỹ thuật số đang định hình lại một cách triệt để việc cung cấp các dịch vụ thanh toán. Các ngân hàng trung ương đang nắm lấy sự đổi mới này. Họ thúc đẩy khả năng tương tác, hỗ trợ cạnh tranh và đổi mới, và vận hành cơ sở hạ tầng công cộng - tất cả đều cần thiết để các dịch vụ thanh toán được dễ dàng, có chi phí thấp và chất lượng cao.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

6. Năng suất chậm lại và tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của Trung Quốc (China's Productivity Slowdown and Future Growth Potential).

Nguồn: WB

Tác giả: Brandt, Loren; Litwack, John; Mileva, Elitza Alexandrova; Wang, Luhang; Zhang, Yifan; Zhao, Luan

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế**Ngày xuất bản: 24/6/2020**

Nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng ấn tượng 10 phần trăm mỗi năm trong suốt bốn thập kỷ. Cải thiện năng suất lao động trong các ngành và lợi ích thu được từ việc tái phân bổ nguồn lực giữa các ngành và các nhóm sở hữu là động lực cho sự tăng trưởng ấn tượng này. Tuy nhiên, tăng trưởng năng suất đã giảm rõ rệt trong những năm gần đây. Bài viết này tiếp nối các nghiên cứu cấp vĩ mô và cấp doanh nghiệp trước đây để chỉ ra các yếu tố và chính sách trong nước đóng góp vào hiện tượng suy giảm năng suất này. Phân tích cho thấy việc hạn chế gia nhập thị trường và phân bổ không đủ nguồn lực cho các công ty có năng suất cao hơn có liên quan đến sự chậm lại của tăng trưởng năng suất nhân tố tổng hợp trong sản xuất. Những cải cách trước đó giúp các doanh nghiệp nhà nước bắt kịp mức năng suất của khu vực tư nhân trong sản xuất, nhưng sự bắt kịp này đã đình trệ lại sau năm 2007. Hơn nữa, việc phân bổ một phần lớn tín dụng và đầu tư cho cơ sở hạ tầng và nhà ở khiến cho tỷ suất lợi nhuận giảm xuống, nợ gia tăng nhanh chóng, và tăng trưởng gặp nhiều rủi ro. Tiềm năng tăng trưởng của Trung Quốc vẫn còn cao, nhưng triển vọng tăng trưởng dài hạn của nước này phụ thuộc vào việc đảo ngược tình trạng suy giảm gần đây về tăng trưởng năng suất yếu tố tổng hợp.

[Tải về toàn văn tại đây](#)[Trở lại trang đầu](#)

NGHIÊN CỨU CHUYÊN SÂU**Trí tuệ nhân tạo và học máy trong các dịch vụ tài chính****Diễn biến thị trường và các tác động tới ổn định tài chính***Hội đồng ổn định tài chính (Financial Stability Board)**Tháng 11/2017*

(Kỳ 3)

4.4. Cân nhắc về pháp lý hiện tại liên quan đến việc sử dụng AI và học máy

Do các ứng dụng AI và học máy tương đối mới, không có một tiêu chuẩn quốc tế kỹ lưỡng được biết đến trong lĩnh vực này. Tuy nhiên với những rủi ro tiềm năng được xác định ở trên, đã có một vài nỗ lực đáng lưu ý từ các đơn vị thiết lập tiêu chuẩn quốc tế và các diễn đàn quốc tế tương tự của các nhà quản lý. Ví dụ, một số đơn vị tạo lập tiêu chuẩn quốc tế đã xem xét các rủi ro liên quan đến giao dịch thuật toán, vì nó đang trở thành một đặc tính phổ biến của các thị trường mà có thể làm phóng đại rủi ro hệ thống. Cụ thể như sau:

- Tổ chức quốc tế của các ủy ban chứng khoán (IOSCO) đã báo cáo về tác động của các công nghệ mới bao gồm các giao dịch thuật toán lên việc giám sát thị trường và đưa ra các khuyến nghị để xem xét, trong đó có việc thu thập dữ liệu và hợp tác xuyên biên giới.
- Nhóm giám sát cấp cao (SSG), một diễn đàn cho các đại diện cấp cao của các cơ quan giám sát trên toàn thế giới, đã ban hành các nguyên tắc cho các đơn vị giám sát xem xét khi đánh giá các thông lệ và các kiểm soát trọng yếu đối với các hoạt động giao dịch thuật toán tại các ngân hàng.

Một số cơ quan quản lý quốc gia lưu ý rằng, từ quan điểm giám sát, các doanh nghiệp đang phát triển các mô hình thuật toán dựa trên AI và học máy nên có quy trình phát triển vững mạnh tại chỗ. Họ cần đảm bảo rằng các rủi ro được cân nhắc tại từng bước của quy trình phát triển. Đây là điều đặc biệt quan trọng để tránh lạm dụng thị trường và ngăn chặn chiến lược phát triển khỏi việc đóng góp vào hoặc gây ra các hành vi thị trường rối loạn. Yêu cầu này là một phần của MiFID II sẽ có hiệu lực vào Quý đầu năm 2018 tại Châu Âu. Các yêu cầu tương tự đối

với các thuật toán cũng được đặt ra đối với một số tổ chức bị quản lý bởi một tổ chức tự điều tiết chứng khoán Mỹ.

Tương tự, Ủy ban Giám sát Ngân hàng (BCBS) lưu ý rằng một quy trình phát triển lành mạnh nên nhất quán với các chính sách và quy trình nội bộ của doanh nghiệp và đưa ra một sản phẩm không chỉ đáp ứng các mục tiêu của người sử dụng mà còn nhất quán với khẩu vị rủi ro và kỳ vọng hành vi của doanh nghiệp. Để hỗ trợ các lựa chọn mô hình mới, các doanh nghiệp nên có khả năng thể hiện bằng chứng xây dựng lý thuyết có tiên tri; các đặc điểm hành vi và các giả định trọng yếu; các loại hình và việc sử dụng dữ liệu đầu vào; quy trình phân tích số liệu và các phép tính toán cụ thể; và giao diện và ngôn ngữ lập trình (để bắt trước mô hình). Cuối cùng, lưu ý rằng các doanh nghiệp nên thiết lập cơ chế kiểm tra và cân bằng tại mỗi bước của quy trình phát triển.

5. Phân tích tài chính vĩ mô

Việc áp dụng rộng rãi AI và học máy có thể tác động tới hệ thống tài chính theo một số cách, phụ thuộc vào bản chất của ứng dụng. Từ khía cạnh tăng trưởng kinh tế, áp dụng AI và học máy cho các dịch vụ tài chính có tiềm năng tăng cường hiệu quả của nền kinh tế và đóng góp vào tăng trưởng thông qua các cơ chế sau:

(a) Tăng cường hiệu quả của dịch vụ tài chính: quản trị rủi ro hiệu quả hơn cho danh mục cho vay của các ngân hàng và nghĩa vụ nợ của các tổ chức bảo hiểm có thể đem lại lợi ích cho tổng thể hệ thống. AI và học máy có thể hỗ trợ xử lý thông tin về giá trị nền tảng của các tài sản, nhờ đó phân bổ vốn cho các nhà đầu tư và dự án hiệu quả hơn. Hơn nữa, nếu AI và học máy gia tăng tốc độ và giảm chi phí các giao dịch thanh toán và quyết toán, ví dụ như bằng cách thực hiện giao dịch tại các thời điểm mà có đối tác có nhu cầu tương ứng, điều này có thể thúc đẩy các giao dịch cho các hoạt động kinh tế thực.

(b) Hỗ trợ hợp tác và nhận thức “tính kinh tế của phạm vi” mới: Nếu AI và học máy thúc đẩy hợp tác giữa các dịch vụ tài chính và các ngành, như thương mại điện tử và các ngành “kinh tế chia sẻ”, điều này có thể tạo ra tính kinh tế của phạm vi mới và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mạnh hơn. Ví dụ, phân tích khách hàng dựa trên các dữ liệu giao dịch gắn liền với các hoạt động thanh toán và quyết

toán (ví dụ, “ai mua cái gì, ở đâu, và khi nào) sẽ khuyến khích hợp tác giữa thương mại điện tử và các dịch vụ tài chính.

(c) Kích thích đầu tư vào các lĩnh vực liên quan đến AI và học máy: Nhiều doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp phi tài chính, có vẻ hăng hái áp dụng AI và học máy cho hoạt động của mình. Tăng trưởng đầu tư cho R&D liên quan đến AI và học máy có thể đóng góp trực tiếp vào đầu tư cho toàn nền kinh tế và nhờ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Từ quan điểm tài chính vĩ mô, các tác động ngắn đến dài hạn của việc áp dụng AI và học máy lên cấu trúc và thị trường tài chính có thể còn có nhiều kết quả khác nhau. Có một số tác động tiềm năng lên tầm quan trọng hệ thống của những người tham gia thị trường, mức độ tập trung và tổn thương thị trường – những vấn đề sẽ được làm rõ dưới đây.

5.1. Tập trung thị trường và tầm quan trọng hệ thống của các tổ chức

AI và học máy có thể ảnh hưởng đến loại hình và mức độ tập trung trên thị trường tài chính trong một số trường hợp nhất định. Ví dụ, sự xuất hiện của một số ít các nhà cung cấp bên thứ 3 tiên tiến về AI và học máy có thể làm gia tăng sự tập trung của một số chức năng trong hệ thống tài chính. Tương tự, tiếp cận dữ liệu lớn có thể là một nguồn có tầm quan trọng hệ thống, đặc biệt là nếu các doanh nghiệp có thể tận dụng các nguồn lực dữ liệu lớn riêng để đạt được tính kinh tế về quy mô. Cuối cùng, chỉ các công ty lớn mới có thể vận hành được các công nghệ sáng tạo nhất do sự phát triển người sử dụng đòi hỏi đầu tư lớn (để đạt được và duy trì cơ sở hạ tầng và các nhân sự có kỹ năng).

Về tác động của AI và học máy đối với tầm quan trọng hệ thống của các ngân hàng, có một số kịch bản chính. Nếu AI và học máy “xử lý” các dịch vụ ngân hàng truyền thống và thúc đẩy các doanh nghiệp mới cung cấp các dịch vụ tài chính, điều này có thể làm giảm tầm quan trọng hệ thống của các ngân hàng đa năng lớn. Các ngân hàng này có thể tập trung vào một tập hợp nhỏ hơn các hoạt động, thay vì tiếp tục cung cấp dịch vụ đa năng. Tuy nhiên, khi đặt chung vào một nhóm, khả năng tổn thương của các ngân hàng đa năng trước các cú sốc hệ thống có thể gia tăng nếu chúng ngày càng phụ thuộc vào các thuật toán hoặc chuỗi số liệu tương tự nhau. Ngược lại, nếu một ngân hàng lớn, đã có được niềm

tin của thị trường, áp dụng thành công AI và học máy để tăng cường sức mạnh thị trường, tầm quan trọng hệ thống của nó sẽ gia tăng. Việc các thành viên thị trường khác cung cấp các dịch vụ tương tự trên cơ sở cạnh tranh có thể bị ảnh hưởng bởi các quy định và chi phí gia nhập thị trường. Do đó, rất khó để đánh giá liệu AI và học máy nói chung làm gia tăng hay giảm thiểu mức độ tập trung.

5.2. Các tổn thương thị trường tiềm năng

Việc sử dụng AI và học máy để giao dịch có thể tác động đến khối lượng và mức độ giao dịch “trực tiếp”. Theo các giả định trong sáng, sự phát triển đa dạng của các ứng dụng giao dịch được cung ứng bởi một loạt các thành viên thị trường có thể đem lại lợi ích cho ổn định tài chính. Ví dụ, nếu các tư vấn tự động được hỗ trợ bởi học máy đem lại các tư vấn tùy chỉnh cao hơn cho các cá nhân, các hoạt động đầu tư của chúng có thể trở nên phù hợp hơn với các ưa thích cá nhân và có thể ít bị tương quan với các chiến lược giao dịch khác hơn. Thông qua việc giảm rào cản gia nhập cho các khách hàng bán lẻ để đầu tư, các ứng dụng này cũng có thể mở rộng cơ sở nhà đầu tư trên thị trường vốn. Tương tự, việc sử dụng AI và học máy cho các chiến lược giao dịch mới và không tương quan của các quỹ đầu tư mạo hiểm cũng có thể dẫn tới sự đa dạng lớn hơn trong các diễn biến thị trường. Việc xử lý thông tin hiệu quả hơn cũng giúp làm giảm sự lệch lạc về giá cả trước đó và từ đó giảm thiểu sự tích lũy mất cân bằng giá cả tài chính vĩ mô.

Ngược lại, các thuật toán giao dịch mới dựa trên học máy có thể khó đoán trước hơn các ứng dụng theo quy tắc hiện nay và có thể tương tác theo nhiều cách khó lường. Ở mức độ mà các doanh nghiệp sử dụng kỹ thuật AI và học máy có thể tạo lợi nhuận cao hơn hoặc chi phí giao dịch thấp hơn, chắc chắn là các động lực để áp dụng sẽ gia tăng. Với sự thiếu hụt dữ liệu về quy mô sử dụng trên thị trường, các diễn biến thị trường có thể được quy cho AI và các mô hình học máy, và việc giải thích các cú sốc thị trường có thể bị hạn chế. Cuối cùng, các ứng dụng giao dịch tần suất cao (HFT) của AI và học máy có thể là những nguồn tổn thương. Nếu chiến lược đầu tư tương tự dựa trên AI và học máy được sử dụng rộng rãi trên HFT, nó có thể làm gia tăng biến động thị trường thông qua các đợt mua hoặc bán lớn được thực hiện hầu như đồng thời.

Về vấn đề đòn bẩy, thanh khoản và chuyển đổi kỳ hạn, việc áp dụng AI và học máy bởi các thành viên thị trường tài chính như quỹ đầu tư mạo hiểm và các nhà tạo lập thị trường có thể có cả tác động tiêu cực và tích cực. AI và học máy có thể gia tăng thanh khoản trên các thị trường tài chính thông qua cải thiện tốc độ và hiệu quả của các hoạt động giao dịch. AI và học máy cũng có thể được sử dụng để phát hiện các rủi ro vượt mức và các giao dịch quá phức tạp và để thiết kế các chiến lược bảo hiểm hiệu quả hơn cho quản lý rủi ro của các tổ chức tài chính. Ở mức độ mà các công cụ này có thể cho phép phát triển các nền tảng tín dụng mới để kết nối trực tiếp người vay và người cho vay (được gọi một cách rộng rãi là tín dụng Fintech), việc này có thể làm giảm sự phụ thuộc vào vốn vay ngân hàng, làm giảm đòn bẩy của các ngân hàng và đạt được cấu trúc chia sẻ rủi ro đa dạng hơn trong toàn bộ hệ thống tài chính. Ngược lại, ở mức độ mà các thành viên thị trường sử dụng AI và học máy để tối thiểu hóa vốn hay tối đa hóa lợi nhuận kỳ vọng trên vốn (trong phạm vi các giới hạn của các quy định, và không phải tập trung quá nhiều vào rủi ro), việc sử dụng AI và học máy có thể gia tăng rủi ro. Đặc biệt, nó có thể cho phép các đệm thanh khoản chặt chẽ hơn nhiều, đòn bẩy cao hơn, và chuyển đổi kỳ hạn nhanh hơn trong trường hợp mà AI và học máy không được sử dụng để tối ưu hóa như vậy.

5.3. Mạng lưới và tính kết nối

Các ứng dụng AI và học máy có thể tăng cường sự kết nối giữa các thị trường tài chính và tổ chức tài chính theo các cách thức bất ngờ. Khả năng của các tổ chức trong việc sử dụng dữ liệu lớn từ các nguồn mới có thể dẫn đến sự phụ thuộc lớn hơn vào các biến số kinh tế vĩ mô không liên quan trước đây và giá cả thị trường tài chính, bao gồm từ các khu vực doanh nghiệp phi tài chính (thương mại điện tử, kinh tế chia sẻ...). Khi các tổ chức tìm thấy thuật toán tạo ra lợi nhuận không tương quan, sẽ có rủi ro các thuật toán này bị khai thác trên một quy mô đủ lớn để thực sự làm gia tăng sự tương quan. Sự liên kết không dự báo trước tiềm năng này sẽ chỉ trở nên rõ ràng khi các công nghệ thực sự được ứng dụng.

Nói chung, sự kết nối tương tác lớn hơn trong hệ thống tài chính có thể giúp chia sẻ rủi ro và đóng vai trò hấp thụ cú sốc tới một điểm nào đó. Nhưng các nhân tố tương tự có thể lan rộng tác động cả các cú sốc cực độ. Nếu một phân khúc quan

trọng của các tổ chức tài chính dựa vào cùng một nguồn dữ liệu và chiến lược thuật toán, thì dưới các điều kiện thị trường nhất định, một cú sốc đối với các nguồn dữ liệu đó – hoặc một chiến lược mới sử dụng một chiến lược thuật toán được ứng dụng rộng rãi – có thể ảnh hưởng tới phân khúc đó như thể nó là một đơn vị đơn lẻ. Điều này có thể xảy ra thậm chí nếu phân khúc này bao gồm hàng chục, hàng trăm hay thậm chí hàng nghìn các tổ chức tài chính độc lập. Kết quả là, việc áp dụng tập thể các công cụ AI và học máy có thể tạo ra các rủi ro mới.

5.4. Các vấn đề khác về AI và ứng dụng học máy

Các ứng dụng AI và học máy trong thị trường bảo hiểm có thể làm giảm mức độ rủi ro đạo đức và lựa chọn đối nghịch – nhưng cũng có thể làm suy giảm chức năng tổng hợp rủi ro của bảo hiểm. Rủi ro đạo đức và lựa chọn đối nghịch là những vấn đề vốn có trong bảo hiểm. Tuy nhiên, nếu AI và học máy được sử dụng để liên tục điều chỉnh phí bảo hiểm phù hợp với sự thay đổi hành vi của người mua bảo hiểm, điều này có thể làm giảm rủi ro đạo đức. Nếu AI và học máy được tận dụng để cung cấp các chính sách bảo hiểm tùy chỉnh phản ánh đặc điểm chi tiết của mỗi người, nó cũng có thể làm giảm lựa chọn đối nghịch. Ngược lại, việc sử dụng này có thể đặt ra các thử thách mới. Ví dụ, việc định giá rủi ro chính xác hơn có thể dẫn tới phí bảo hiểm cao hơn đối với các khách hàng rủi ro hơn (chẳng hạn như trong bảo hiểm y tế cho các cá nhân với khuynh hướng di truyền đối với các bệnh nhất định) và có thể thậm chí định giá một số cá nhân nằm ngoài thị trường. Thậm chí nếu mô hình định giá bảo hiểm cải tiến dựa trên các tập hợp dữ liệu lớn và nhiều biến, các thuật toán có thể tạo ra các sai lệch có thể dẫn tới tình trạng phân biệt không mong muốn và thậm chí làm gia tăng định kiến của con người. Điều này đòi hỏi một cuộc thảo luận xã hội về mức độ chia sẻ rủi ro mong muốn, cách thức mà các thuật toán được hiểu, và thông tin nào là được chấp nhận.

Trong khi đó, AI và học máy có thể tiếp tục là một công cụ hữu dụng cho cả các tổ chức tài chính (RegTech) và đơn vị giám sát (SupTech). Nhiều sử dụng được mô tả tại mục 3.4 có thể dẫn tới các cải thiện trong quản lý rủi ro, tuân thủ và giám sát rủi ro hệ thống, trong khi có thể làm giảm gánh nặng quản lý. Tuy nhiên, nếu một loại AI và học máy tương tự được sử dụng mà không có sự đào tạo phù

hợp hoặc phản hồi, sự phụ thuộc vào các hệ thống như vậy có thể tạo ra các rủi ro mới. Ví dụ, nếu AI và các mô hình học máy được sử dụng trong kiểm tra căng thẳng mà không có chuỗi thời gian đủ dài và đa dạng hoặc không có đủ phản hồi từ các sự kiện căng thẳng thực tế, sẽ có rủi ro người sử dụng không phát hiện ra các rủi ro hệ thống và rủi ro đặc trưng của tổ chức kịp thời. Các rủi ro này có thể trở nên rõ ràng đặc biệt nếu AI và học máy được sử dụng mà không có một sự hiểu biết đầy đủ về các phương pháp và hạn chế đằng sau.

Hơn nữa, do khuôn khổ quản lý hiện tại không được thiết kế với việc sử dụng các công cụ như vậy trong tư duy, một số thông lệ quản lý có thể cần phải điều chỉnh để các lợi ích của các công cụ AI và học máy có thể được khai thác toàn bộ. Ví dụ, trong MiFID II, khi một nghĩa vụ được đặt ra với một doanh nghiệp để trình báo cáo khi một sự kiện phải báo cáo xảy ra, tất cả các doanh nghiệp được kỳ vọng sẽ tuân thủ quy định tại mọi thời điểm. Nếu các công cụ AI và học máy được sử dụng để xem một hành động cụ thể có được báo cáo hay không, lỗi vẫn có thể xảy ra trong hành động quản lý, thậm chí nếu các công cụ thể xác định thông tin nào đơn vị quản lý thực sự cần để làm giảm thiểu rủi ro gián đoạn thị trường. Về điều này, kết hợp AI, học máy với phán đoán của con người và các công cụ, phương pháp phân tích sẵn có khác có thể hiệu quả hơn, đặc biệt là tạo thuận lợi cho các phân tích nhân quả. Nói chung, việc áp dụng AI, học máy và các cải tiến kỹ thuật khác trong tài chính có thể hưởng lợi từ việc có được góc nhìn hệ thống hơn trong quản lý tài chính để góp phần ổn định tài chính trong một hệ thống ngày càng phức tạp.

Nếu các giải pháp tối ưu hóa được áp dụng chủ yếu bởi khu vực tư nhân mà không phải khu vực công, có thể có rủi ro là một số cá nhân hoặc doanh nghiệp có thể sử dụng thành công hơn để “chơi” các quy tắc quản lý hoặc thực hiện các chênh lệch pháp lý (regulatory arbitrage).

6. Kết luận và hàm ý về ổn định tài chính

Việc sử dụng AI và công nghệ học máy đang thay đổi hoạt động cung cấp một số dịch vụ tài chính. Mặc dù dữ liệu về mức độ áp dụng ở các thị trường khác nhau khá hạn chế, nhưng việc đối thoại với những người tham gia thị trường cho thấy rằng một số phân khúc của hệ thống tài chính đang tích cực sử dụng AI và học

máy. Do đó, các ứng dụng này hiện đang được sử dụng rộng rãi hơn so với những đổi mới chính yếu khác của FinTech, như công nghệ sổ cái phân tán hoặc hợp đồng thông minh. Cụ thể, phát hiện gian lận, tối ưu hóa vốn và các ứng dụng quản lý danh mục đầu tư dường như đang phát triển nhanh chóng. Hầu hết những người tham gia thị trường mong đợi rằng AI và học máy sẽ được áp dụng nhiều hơn nữa. Do vậy, điều quan trọng là bắt đầu suy nghĩ về các vấn đề về ổn định tài chính ngay bây giờ thay vì bắt đầu sau khi các vấn đề tiềm năng đã được nhận ra. Việc phân tích này nhất thiết phải được coi trọng và sẽ có lợi ích từ sự hiểu biết nhiều hơn về các trường hợp sử dụng AI và học máy theo thời gian. Hơn nữa, nhiều thay đổi sẽ không dẫn đến thay đổi quan trọng đối với ổn định tài chính và do đó nằm ngoài phạm vi của báo cáo này.

Việc sử dụng AI và học máy trong các dịch vụ tài chính có thể mang lại lợi ích quan trọng cho sự ổn định tài chính dưới dạng hiệu quả trong việc cung cấp dịch vụ tài chính và giám sát rủi ro hệ thống và giám sát việc tuân thủ quy định. Việc xử lý thông tin về rủi ro tín dụng hiệu quả hơn và tương tác khách hàng với chi phí thấp hơn có thể giúp hệ thống tài chính hiệu quả hơn. Các ứng dụng nội bộ (back-office) của AI và học máy có thể cải thiện quản lý rủi ro, phát hiện gian lận và tuân thủ các yêu cầu quy định, với chi phí có khả năng thấp hơn. Trong quản lý danh mục đầu tư, việc xử lý thông tin hiệu quả hơn từ AI và các ứng dụng học máy có thể giúp tăng hiệu quả và sức chống chịu của thị trường tài chính - giảm thiểu sai lệch về giá sớm hơn và (theo giả định lành tính) làm giảm crowded trades (trường hợp nhiều nhà đầu tư đổ tiền vào một loại tài sản trong khi nguồn cung tài sản đó có hạn – chú thích của người dịch). Cuối cùng, với các trường hợp các nhà quản lý và giám sát sử dụng học máy và AI, có khả năng giúp làm tăng hiệu quả giám sát và thực hiện phân tích rủi ro hệ thống tốt hơn trong thị trường tài chính.

Đồng thời, hiệu ứng mạng và khả năng mở rộng của các công nghệ mới trong tương lai có thể làm phát sinh thêm những phụ thuộc vào bên thứ ba. Điều này có thể dẫn đến sự xuất hiện của những người chơi mới có tầm quan trọng trong hệ thống. AI và các dịch vụ học máy đang ngày càng được cung cấp nhiều hơn bởi một vài công ty công nghệ lớn. Giống như trong các thị trường dựa trên nền tảng (platform) khác, có thể có giá trị trong các tổ chức tài chính sử dụng các nhà cung

cấp bên thứ ba tương tự căn cứ về danh tiếng, quy mô và khả năng tương tác của những nhà cung cấp này. Có khả năng xuất hiện độc quyền tự nhiên hoặc độc quyền. Những vấn đề cạnh tranh này – có ý nghĩa từ góc độ hiệu quả kinh tế - có thể được chuyển thành rủi ro ổn định tài chính nếu các công ty công nghệ đó có thị phần lớn trong các phân khúc thị trường tài chính cụ thể. Những sự phụ thuộc và kết nối của bên thứ ba này có thể có tác động hệ thống nếu một công ty lớn như vậy phải đối mặt với sự gián đoạn lớn hoặc mất khả năng thanh toán.

Nhiều nhà cung cấp hiện tại về AI và các công cụ học máy trong các dịch vụ tài chính có thể nằm ngoài phạm vi quản lý hoặc có thể không quen thuộc với luật pháp và quy định hiện hành. Khi các tổ chức tài chính dựa vào các nhà cung cấp AI và dịch vụ học máy của bên thứ ba cho các chức năng quan trọng và các quy tắc về thuê ngoài có thể không được hiểu đúng, các nhà dịch vụ và nhà cung cấp này có thể không phải chịu sự thanh tra và giám sát. Tương tự, nếu các nhà cung cấp các công cụ như vậy bắt đầu cung cấp dịch vụ tài chính cho các khách hàng tổ chức hoặc khách hàng bán lẻ, điều này có thể kéo theo các hoạt động tài chính diễn ra bên ngoài khung khổ quản lý.

Việc thiếu khả năng diễn giải hoặc “khả năng kiểm toán” của AI và phương pháp học máy có khả năng góp phần gây ra rủi ro ở cấp độ vĩ mô nếu không được giám sát bởi các nhà giám sát an toàn vĩ mô. Nhiều mô hình xuất phát từ việc sử dụng AI hoặc các kỹ thuật học máy đều rất khó hoặc không thể diễn giải. Việc thiếu khả năng diễn giải có thể bị bỏ qua trong các tình huống khác nhau, bao gồm, ví dụ, nếu hiệu suất của mô hình đó vượt quá hiệu suất của với các mô hình dễ hiểu hơn. Tuy nhiên, việc thiếu khả năng diễn giải sẽ khiến việc xác định các tác động tiềm năng vượt ra ngoài bảng cân đối kế toán của các công ty trở nên khó khăn hơn, ví dụ như trong một cú sốc hệ thống. Đáng chú ý là, nhiều mô hình phát triển AI và học máy đang được “đào tạo” trong thời kỳ biến động thấp. Như vậy, các mô hình có thể không đề xuất các hành động tối ưu khi suy thoái kinh tế nghiêm trọng hoặc trong một cuộc khủng hoảng tài chính, hoặc các mô hình có thể không đề xuất việc quản lý thích hợp các rủi ro dài hạn.

Nếu có sử dụng rộng rãi các mô hình không rõ ràng, nó có thể dẫn đến hậu quả không lường trước được. Ví dụ: nếu nhiều công ty phát triển chiến lược giao dịch

bằng cách sử dụng mô hình AI và học máy nhưng không hiểu mô hình vì độ phức tạp của chúng, sẽ rất khó để cả công ty và nhà giám sát dự đoán hành động của các mô hình sẽ ảnh hưởng đến thị trường như thế nào. Khi hành động của mô hình tương tác trên thị trường, hoàn toàn có thể xảy ra hậu quả ngoài ý muốn và có thể là tiêu cực cho thị trường tài chính. Những hậu quả không lường trước tương tự có thể xảy ra trong các ứng dụng nhằm mục đích chấm điểm tín dụng, tối ưu hóa vốn hoặc phát hiện mối đe dọa mạng, trong đó rủi ro có thể hình thành một cách từ từ.

Khi sử dụng bất kỳ sản phẩm hoặc dịch vụ mới nào, có những vấn đề quan trọng xung quanh việc quản lý rủi ro và giám sát AI và học máy. Trong các cuộc thảo luận với các thành viên của FSB khi làm báo cáo này, các đại diện của ngành đã lưu ý những thách thức đặt ra bằng cách thực hiện kiểm toán một cách hiệu quả, bao gồm đủ các kỹ năng in-house để hiểu và giám sát AI và các mô hình học máy. Ngoài các nhân viên vận hành các ứng dụng này, các chức năng chính như quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ và cơ quan quản lý và giám sát hành chính phải phù hợp để kiểm soát và quản lý việc sử dụng các ứng dụng. Tuy nhiên, sự khan hiếm tài nguyên với các kỹ năng và kiến thức cần thiết có thể là một vấn đề. Về mặt giám sát, việc kiểm toán các mô hình có thể yêu cầu các kỹ năng và chuyên môn mà các tổ chức giám sát hiện không thể có. Một số giám sát viên lưu ý rằng cần kiểm tra các thông số kỹ thuật được phát triển trong quá trình lập kế hoạch và quá trình dần dựng phát triển mô hình và để đánh giá cấu trúc quản trị xung quanh các giai đoạn khác nhau của mô hình sau khi ra mắt.¹

Việc đánh giá AI và các ứng dụng học máy về các rủi ro của chúng, bao gồm việc tuân thủ bất kỳ giao thức liên quan nào về quyền riêng tư dữ liệu, việc tạo ra rủi ro và an ninh mạng, là rất quan trọng trong giai đoạn này. Điều quan trọng là sự tiến bộ trong AI và các ứng dụng học máy đi kèm với sự tiến bộ hơn nữa trong việc giải thích các thuật toán đầu ra và các quyết định. Sự phức tạp gia tăng của các mô hình có thể làm giảm khả năng của các nhà phát triển và người dùng được giải thích đầy đủ và / hoặc, trong một số trường hợp, hiểu cách mà AI và học máy

¹ Nhận định này xuất phát từ các cuộc thảo luận tại hai hội thảo và trong các cuộc thảo luận nội bộ của nhóm soạn thảo.

làm việc. Những nỗ lực cải thiện khả năng diễn giải của AI và học máy có thể là điều kiện quan trọng không chỉ đối với việc quản lý rủi ro như đã nêu ở trên, mà còn cho sự tin tưởng lớn hơn từ công chúng cũng như các nhà quản lý và giám sát viên trong các dịch vụ tài chính quan trọng.

Việc sử dụng AI và học máy cần tiếp tục được theo dõi. Khi các công nghệ cơ bản phát triển hơn nữa, có khả năng chúng sẽ được sử dụng rộng rãi hơn, ngoài các trường hợp sử dụng được thảo luận trong báo cáo này. Điều quan trọng là tiếp tục theo dõi những đổi mới này và cập nhật bản đánh giá này trong tương lai.

Phụ lục A: Các vấn đề pháp lý xung quanh AI và học máy

AI và học máy đã đưa ra một loạt các vấn đề pháp lý liên quan đến quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu, bảo vệ người tiêu dùng, vấn đề chống phân biệt đối xử và trách nhiệm pháp lý và các vấn đề xuyên biên giới.

Các vấn đề xung quanh quyền riêng tư dữ liệu liên quan đến khả năng truy cập dữ liệu đang được xử lý bởi AI và các công cụ học máy. Mặc dù dữ liệu lớn được sử dụng rộng rãi để tạo ra lợi nhuận, nhưng chúng chỉ có thể làm như vậy với công nghệ mà chuyển đổi dữ liệu thành các dịch vụ có liên quan. Trong các dịch vụ tài chính, AI và các ứng dụng học máy thường phụ thuộc vào quyền truy cập và sử dụng một lượng lớn dữ liệu trong một "vòng đời" bao gồm thu thập dữ liệu, tổng hợp dữ liệu, khai thác và phân tích dữ liệu. Khả năng áp dụng luật pháp và các quy định nói chung dựa trên thực tế và từng quốc gia cụ thể. Tuy vậy một số vấn đề pháp lý nhất định đang được đánh giá chung trong bối cảnh việc sử dụng AI và học máy với dữ liệu lớn, bao gồm khả năng áp dụng quyền sở hữu dữ liệu và bảo vệ quyền riêng tư của dữ liệu và luồng dữ liệu xuyên biên giới. Các cơ quan quản lý đang nỗ lực để nắm bắt các tác động đối với lĩnh vực tài chính.

Quyền sở hữu dữ liệu và bảo vệ dữ liệu đang được sửa đổi tại một số quốc gia. Trong số các thành viên OECD, nhiều quốc gia có luật bảo vệ quyền riêng tư và OECD có các hướng dẫn về bảo vệ quyền riêng tư và sử dụng xuyên biên giới. Liên minh châu Âu (EU) gần đây đã ban hành Quy định bảo vệ dữ liệu chung (GDPR), có hiệu lực từ năm 2018. Đặc biệt có liên quan đến việc sử dụng AI và học máy là Điều 11, cung cấp quyền được giải thích về quyết định đạt được sau khi đánh giá (thuật toán), và các điều khoản xoay quanh nó cung cấp các công bố tương tự. Các điều khoản quan trọng khác liên quan đến AI và

học máy là Điều 9, nghiêm cấm việc xử lý “các danh mục đặc biệt (nhạy cảm) của dữ liệu cá nhân” theo quy định; Điều 22, quy định về chủ đề dữ liệu, không phải do một quyết định với các hậu quả pháp lý hoặc hậu quả nghiêm trọng chỉ dựa trên xử lý tự động; và Điều 24, quy định rằng các quyết định sẽ không dựa trên các loại dữ liệu đặc biệt của cá nhân.

Quyền sở hữu tài sản trí tuệ trong bảo vệ dữ liệu và dữ liệu cá nhân có thể có liên quan đặc biệt khi chủ thể dữ liệu muốn chuyển hồ sơ của họ sang bộ xử lý dữ liệu khác hoặc khi cơ quan quản lý chuyển dịch vụ sang nhà cung cấp khác. Trong cả hai trường hợp, việc sắp xếp tài sản trí tuệ phù hợp với mong muốn của khách hàng và nhà quản lý có thể là một thách thức do sự phức tạp của lĩnh vực chủ thể, bao gồm các vấn đề xuyên biên giới (xem bên dưới).

Trong khi đó, một số cơ quan chức năng đang tìm hiểu liệu người tiêu dùng có khả năng hiểu các kỹ thuật mô hình hóa phức tạp trong hệ thống tín dụng hay không. Các công cụ mới được phát triển để cải thiện khả năng diễn giải của AI và các mô hình học máy có thể hỗ trợ các công ty và nhà hoạch định chính sách. Bảo vệ người tiêu dùng, chống phân biệt đối xử và trách nhiệm pháp lý là các lĩnh vực trọng tâm mới nổi và là công việc trong tương lai, bao gồm cả việc sử dụng các phân tích dữ liệu lớn trong quản lý rủi ro và giám sát vĩ mô. Một loạt các luật bảo vệ người tiêu dùng đã áp dụng trong thực tiễn sử dụng dữ liệu lớn có thể bao gồm việc sử dụng AI và học máy, như báo cáo tín dụng công bằng, luật cơ hội bình đẳng và thực tiễn thương mại công bằng. Tuy nhiên, không phải tất cả các quy định này có thể giải quyết các kỹ thuật AI và học máy bằng cách sử dụng số lượng lớn dữ liệu ở dạng kỹ thuật số.

Luật chống phân biệt đối xử nói riêng có thể liên quan đến AI và các kỹ thuật học máy. Các mô hình học máy có thể dẫn đến các thực tiễn phân biệt đối xử có thể là bất hợp pháp, ngay cả khi các đặc điểm như thông tin về chủng tộc hoặc giới tính không được nhập trực tiếp; sự phát triển của các kỹ thuật khai thác dữ liệu không phân biệt đối xử là một lĩnh vực nghiên cứu cần thiết nhưng chưa được giải quyết.

Về trách nhiệm pháp lý, có thể có câu hỏi về việc phân bổ trách nhiệm giữa các nhà cung cấp, nhà điều hành và người dùng AI và hệ thống học máy - ví dụ trách nhiệm của nhà sản xuất hoặc nhà phân phối sản phẩm tài chính dựa trên các thiết bị hoặc thuật toán nhập dữ liệu của bên thứ ba. Có những vấn đề trách nhiệm khó khăn, bao gồm mức độ mà con người có thể được quyền dựa vào các hệ thống chuyên gia trong một loạt các cài đặt. Các vấn đề trách nhiệm như

vậy sẽ ngày càng trở nên quan trọng khi các đại lý nhân tạo thực hiện một loạt các nhiệm vụ mà hiện đang được thực hiện bởi con người, với khả năng xảy ra lỗi và tranh chấp pháp lý xung quanh các thiệt hại.

Cuối cùng, sự phát triển của AI và các ứng dụng học máy có thể dẫn đến các vấn đề xuyên biên giới. Hiện tại, sự phát triển của các công nghệ tài chính này tập trung ở một số ít quốc gia, trong khi việc áp dụng có thể xảy ra tại các tổ chức tài chính trên toàn thế giới. Các cơ quan quản lý nên nhớ rằng giám sát, hợp tác và điều tra xuyên biên giới và các vấn đề pháp lý khác dự kiến sẽ phát sinh với các ứng dụng AI và học máy xuyên quốc gia.

Phụ lục B: Vấn đề đạo đức của AI

Sự phát triển nhanh chóng của AI đã truyền cảm hứng cho cả hy vọng và mối quan tâm về sự phức tạp và khả năng phát triển nhanh chóng. Các cuộc thảo luận này vượt xa AI trong các dịch vụ tài chính và đã truyền cảm hứng cho nghiên cứu mới về triết lý của “đạo đức máy móc”, liên quan đến các chuẩn mực đạo đức trong hành vi của các đại lý nhân tạo. Khi các đại lý nhân tạo đảm nhận các trách nhiệm trong các lĩnh vực, như thực hiện các giao dịch tài chính, lái xe ô tô và kiểm soát các hệ thống phức tạp của thiết bị, có những lo ngại về cách đảm bảo hành vi đạo đức vì lợi ích của người dùng. Gần đây, Bostrom (2014) đã thảo luận về ý nghĩa của “siêu trí tuệ” hoặc các hệ thống AI có khả năng vượt trội so với con người, có khả năng dẫn đến những thách thức mới và những hậu quả không lường trước được. Năm 2015, một nhóm các nhà khoa học và công nghệ đa dạng bao gồm Stephen Hawking, Bill Gates và Elon Musk đã ký một bức thư ngỏ thúc giục nghiên cứu thêm về lợi ích và rủi ro của AI và một vấn đề khác liên quan đến sự nguy hiểm của vũ khí tự động.

Một vấn đề là AI và học máy có thể củng cố những thành kiến. Một số nhà bình luận chỉ ra tiềm năng của các phân tích dữ liệu lớn để khắc phục những thành kiến hiện có trong các ứng dụng ở đại học, lựa chọn công việc, tuyên án tù và cấp tín dụng. Ví dụ, các thuật toán học tập không giám sát có thể chỉ ra các vị trí tuyển dụng cấp cao hơn cho các ứng viên nữ và thuật toán kết án có thể khắc nghiệt hơn đối với các dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, tùy thuộc vào lựa chọn lập trình, họ cũng có thể tạo cơ hội để giảm sự phân biệt đối xử đó. Các tác giả khác lưu ý rằng việc sử dụng học máy để lọc tin tức và các mối liên hệ xã hội hoặc lựa chọn lập trình gây bất lợi cho một số ngôn ngữ có thể gây hậu quả lâu dài.

Có một số sáng kiến đề nghiên cứu thêm về đạo đức AI và việc sử dụng đạo đức của AI. Ví dụ, vào tháng 9 năm 2016, một nhóm các công ty công nghệ lớn (Amazon, Facebook, Google, IBM và Microsoft) đã thành lập Hiệp hội Đối tác về Trí tuệ nhân tạo, nhằm mục đích “phát triển và chia sẻ các thực tiễn tốt nhất về AI”, “nâng cao sự hiểu biết của công chúng” và “nhận dạng và khuyến khích AI cho các mục tiêu xã hội”. Apple, eBay, Salesforce, Sony, ACLU, Human Rights Watch, UNICEF và một số tổ chức khác đã tham gia hợp tác, và họ đã đưa ra nghiên cứu xung quanh các trụ cột theo chủ đề bao gồm “AI, lao động và nền kinh tế” và “tranh luận về tính an toàn của AI”. Đồng thời, quốc hội châu Âu đã tranh luận về tính pháp lý của các đại lý tự động. Cuối cùng, đạo đức máy móc vẫn là một lĩnh vực thu hút nghiên cứu, có thể mang lại những hiểu biết sâu sắc hơn cho chính sách công rộng hơn.

Bảng chú giải

Thuật toán (algorithm): một tập hợp các quy tắc tính toán để giải quyết các vấn đề toán học. Gần đây, thuật ngữ này được sử dụng để chỉ một quy trình cần được tuân thủ, thường là bởi máy tính.

Trí tuệ nhân tạo (artificial intelligence): lý thuyết và sự phát triển của hệ thống máy tính có thể thực hiện các nhiệm vụ mà trước đây cần đến trí thông minh của con người.

Trí thông minh mở rộng (augmented intelligence): nâng cao năng lực của con người bằng công nghệ, ví dụ như bằng cách cung cấp cho con người thêm thông tin hoặc thêm phân tích để ra quyết định.

Dữ liệu lớn (big data): thuật ngữ chung chỉ khối lượng dữ liệu khổng lồ được tạo ra bởi việc sử dụng ngày càng nhiều các công cụ kỹ thuật số và hệ thống thông tin.

Chatbots: chương trình hỗ trợ ảo nhằm tương tác với người dùng theo ngôn ngữ tự nhiên.

Phương pháp phân tích cụm (cluster analysis): một kỹ thuật thống kê theo đó dữ liệu hoặc đối tượng được phân loại thành các nhóm (cụm) có chung đặc điểm.

Học sâu (deep learning): một tập hợp con của học máy, nó đề cập đến việc sử dụng các thuật toán được lấy cảm hứng từ cấu trúc và chức năng của bộ não được gọi là mạng thần kinh nhân tạo.

Công nghệ tài chính (FinTech): những đổi mới tài chính có được nhờ công nghệ nhằm tạo ra các mô hình kinh doanh, ứng dụng, quy trình hoặc sản phẩm mới có ảnh hưởng trọng yếu đến thị trường tài chính, tổ chức tài chính và việc cung cấp dịch vụ tài chính.

Công nghệ bảo hiểm (InsurTech): ứng dụng FinTech cho thị trường bảo hiểm.

Internet của vạn vật (Internet of things): kết nối giữa các thiết bị, xe cộ, tòa nhà và các vật thể vật lý khác vào trong các thiết bị điện tử, phần mềm, cảm biến, động cơ truyền động và thiết bị kết nối mạng nhằm cho phép các vật thể này có thể thu thập và trao đổi dữ liệu đồng thời gửi, nhận và thực hiện các lệnh.

Học máy (machine learning): một phương pháp thiết kế một chuỗi các hành động để giải quyết vấn đề tối ưu hóa một cách tự động thông qua kinh nghiệm mà không có sự can thiệp hoặc can thiệp rất hạn chế của con người

Điều chỉnh giá trị ký quỹ (margin valuation adjustment): phương pháp để xác định chi phí huy động vốn (funding cost) của mức ký quỹ ban đầu (initial margin) cho một giao dịch phái sinh.

Xử lý ngôn ngữ tự nhiên (Natural Language Processing – NLP): lĩnh vực liên ngành của khoa học máy tính, trí tuệ nhân tạo và ngôn ngữ học tính toán mà tập trung vào lập trình máy tính và các thuật toán để phân tích, xử lý và hiểu ngôn ngữ con người.

Mã nguồn mở (open source): là một sản phẩm của chương trình máy tính mà công khai mã nguồn (source code). Chúng có sẵn và miễn phí để phân phối lại và sửa đổi.

RegTech: bất kỳ phạm vi ứng dụng nào của FinTech đối với các tổ chức tài chính được quản lý theo luật trong việc thực hiện các yêu cầu và báo cáo về pháp lý và tuân thủ. Điều này cũng có thể liên quan đến các công ty cung cấp các ứng dụng như vậy và trong một số trường hợp là các công ty SupTech.

Học tăng cường (reinforcement learning): một phần của học máy trong đó thuật toán được cung cấp một bộ dữ liệu không ghi nhãn, lựa chọn một hành động cho từng điểm dữ liệu và nhận phản hồi (có lẽ từ con người) giúp cho thuật toán học hỏi.

Cố vấn rô bốt (robo-advisors): các ứng dụng kết hợp các giao diện và thuật toán kỹ thuật số, và cũng có thể bao gồm học máy để cung cấp các dịch vụ từ đề xuất tài chính tự động đến quản lý danh mục đầu tư cho khách hàng của họ mà không có sự can thiệp hoặc can thiệp rất hạn chế của con người. Những cố vấn như vậy có thể là các công ty và các nền tảng độc lập hoặc có thể là các ứng dụng nội bộ của định chế tài chính đương nhiệm.

Giao dịch xã hội (social trading): một loạt các nền tảng giao dịch cho phép người dùng so sánh các chiến lược giao dịch hoặc sao chép chiến lược giao dịch

của các nhà đầu tư khác. Loại thứ hai thường được gọi là sao chép giao dịch hoặc đầu tư sao chép.

SupTech: các ứng dụng của FinTech bởi các cơ quan quản lý giám sát.

Học có giám sát (supervised learning): là một phần của học máy trong đó thuật toán được cung cấp một tập hợp các dữ liệu đào tạo có chứa các nhãn trên các quan sát.

Terabytes: một đơn vị lưu trữ dữ liệu bằng 1000 tỷ byte hoặc 1000 gigabytes.

Phân tích tính chất (tonality analysis): phương pháp để đánh giá tính tiêu cực của một văn bản bằng cách đếm các thuật ngữ tiêu với ý nghĩa tiêu cực.

Mô hình chủ đề (Topic modelling): phương pháp học tập không giám sát cho phép dữ liệu xác định các chủ đề chính trong văn bản.

Học không giám sát (unsupervised learning): là một phần của học máy tổng đó dữ liệu được cung cấp cho các thuật toán không chứa các nhãn.

Zettabyte: một đơn vị lưu trữ dữ liệu, bằng một sextillion (10²¹) byte, một nghìn tỷ gigabyte hoặc một tỷ terabyte.

[Trở lại đầu trang](#)

ĐỀ TÀI KHOA HỌC THÁNG 07 – 2020**1. Đề tài: Tăng cường khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của SMEs Việt Nam**

Chủ nhiệm: TS. Trần Mạnh Hà, Học viện Ngân hàng

Mã số: ĐTNH.005/18

Thời gian nghiệm thu: 7/2020

Kết quả nghiệm thu: Giỏi

Các chủ đề nghiên cứu chính:

- Cơ sở lý luận về chuỗi giá trị toàn cầu cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của SMEs Việt Nam, xây dựng mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của SMEs Việt Nam.

- Tổng hợp kinh nghiệm của các nước trong khu vực và thế giới về việc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các SMEs.

- Nghiên cứu thực trạng việc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các SMEs Việt Nam; thực hiện các kiểm định để tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của SMEs Việt Nam.

- Đề xuất các giải pháp, khuyến nghị nhằm nâng cao năng lực của SMEs Việt Nam, từ đó tăng cường việc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các doanh nghiệp này.

Mô tả tóm tắt:

Nhằm mục tiêu cuối cùng là đề xuất các giải pháp, khuyến nghị nhằm nâng cao năng lực của SMEs Việt Nam trong việc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu (CGTTC), đề tài ĐTNH.005/18 đã triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể sau:

Chương 1 giới thiệu đề tài, bao gồm tính cấp thiết, tổng quan nghiên cứu, xác định câu hỏi nghiên cứu và cấu trúc của đề tài. Theo đó, đề tài tập trung vào 2 câu hỏi nghiên cứu chính như sau:

Câu hỏi nghiên cứu số 1: Thực trạng tham gia CGTTC của các SMEs Việt Nam hiện nay? Những ngành nghề nào của SMEs Việt Nam có mức độ tham gia lớn vào CGTTC thông qua kim ngạch xuất khẩu, kim ngạch nhập khẩu trong năm 2018, và mức độ đóng góp của các SMEs trong ngành vào CGTTC.

Câu hỏi nghiên cứu số 2: Những nhân tố ảnh hưởng đến việc tham gia CGTTC của SMEs Việt Nam? Thuận lợi, khó khăn của các SMEs Việt Nam thuộc những ngành nghề có tham gia CGTTC, những nhân tố có ảnh hưởng đến việc tham gia CGTTC của họ, và chiều hướng tác động của những nhân tố này.

Tại chương 2, nhóm nghiên cứu trình bày các vấn đề tổng quan nghiên cứu, gồm: tổng quan lý luận về doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs); cơ sở lý luận về chuỗi giá trị toàn cầu; cơ hội và thách thức của SMEs; các đặc điểm của SMEs tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; Đánh giá mức độ tham gia, các điều kiện giúp SMEs tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến việc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của SMEs; Kinh nghiệm một số quốc gia trong việc nâng cao hiệu quả tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của SMEs. Từ đó, nhóm nghiên cứu rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam liên quan đến: i) Chính sách hỗ trợ giúp SMEs vượt qua rào cản môi trường kinh doanh; ii) Thay đổi tư duy về văn hóa kinh doanh giúp SMEs tiếp cận tốt văn hóa kinh

doanh quốc tế; iii) Hỗ trợ tiếp cận vốn cho SMEs giúp SMEs vượt qua rào cản tài chính; iv) Hướng nguồn lực SMEs vào tập trung phát triển dịch vụ kinh doanh; v) Cấu trúc nguồn lực nhằm nâng cao khả năng đổi mới và phát triển công nghệ của SMEs; vi) Tập trung đẩy mạnh khả năng tiếp cận thị trường.

Tại Chương 3 của đề tài, để đánh giá những nhân tố ảnh hưởng đến việc tham gia GVC của SMEs Việt Nam thông qua việc khảo sát SMEs trên địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận, nhóm nghiên cứu thuyết minh về phương pháp nghiên cứu gồm các bước: Phát triển mô hình nghiên cứu; Phát triển bộ câu hỏi khảo sát; Thu thập dữ liệu và đưa ra mô hình kinh tế lượng. Chương 4 trình bày về kết quả nghiên cứu, gồm ngành nghề của SMEs Việt Nam tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; các nhân tố ảnh hưởng đến việc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của SMEs Việt Nam; Các khó khăn và các kỳ vọng của SMEs Việt Nam khi tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Tại Chương 5, nhóm nghiên cứu đưa ra kết luận về kết quả nghiên cứu của đề tài và đưa ra một số kiến nghị nhằm tăng cường khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của SMEs Việt Nam, gồm: nâng cao năng lực công nghệ; nâng cao khả năng tiếp cận tài chính; nâng cao năng lực sản xuất; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hỗ trợ các SMEs tiếp cận thị trường.

2. Đề tài: Đánh giá thực trạng và tiềm năng du lịch xanh tại Việt Nam

Chủ nhiệm: Nguyễn Văn Hà, Học viện Ngân hàng

Mã số: DTNH.006/18

Thời gian nghiệm thu: 7/2020

Kết quả nghiệm thu: Giỏi

Các chủ đề nghiên cứu chính:

- Cơ sở lý luận về du lịch xanh
- Thực trạng và tiềm năng du lịch xanh tại Việt Nam
- Giải pháp phát triển du lịch xanh tại Việt Nam.

Mô tả tóm tắt:

Nhằm mục tiêu đánh giá thực trạng và tiềm năng của du lịch xanh tại Việt Nam từ đó đề xuất các giải pháp nhằm phát triển du lịch xanh tại Việt Nam, đề tài đã triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể như sau:

- Hệ thống cơ sở lý thuyết về du lịch xanh.
- Chỉ rõ những bài học kinh nghiệm về phát triển du lịch xanh tại Việt Nam từ những kinh nghiệm của các quốc gia đã triển khai du lịch xanh thành công.
- Phân tích và đánh giá thực trạng và tiềm năng du lịch xanh tại Việt Nam: nhận diện những thành công, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế đó.
- Đề xuất những khuyến nghị, giải pháp nhằm phát triển du lịch xanh tại Việt Nam thời gian tới.

Cụ thể, đề tài đã tập trung phân tích, làm rõ cơ sở lý thuyết về du lịch xanh với những đặc điểm và quy trình phát triển du lịch xanh, các nhân tố chủ yếu tác động tới ý định lựa chọn du lịch xanh của du khách, vai trò của du lịch xanh đối với địa phương. Việc hệ thống kinh nghiệm phát triển du lịch xanh của các quốc gia rằng việc triển khai tốt du lịch xanh sẽ giúp phát triển kinh tế địa phương bền vững và bảo vệ đa dạng sinh học

cũng như phát huy và bảo tồn văn hoá, di sản của địa phương.

Thông qua phân tích thực trạng về du lịch xanh cho thấy Việt Nam đã có chính sách và chiến lược để phát triển du lịch xanh, xu hướng phát triển du lịch xanh được nhiều địa phương và doanh nghiệp ủng hộ, Du lịch xanh góp phần giải quyết nhu cầu việc làm cho nhiều địa phương. Đánh giá tiềm năng phát triển du lịch xanh cho thấy Khách du lịch có xu hướng lựa chọn du lịch xanh ngày càng nhiều. Tuy vậy, một số yếu tố vẫn còn là cản trở cho sự phát triển của du lịch xanh thời gian tới như: Sự phát triển thiếu đồng bộ của các cơ sở lưu trú; Thiếu hụt cơ chế, chính sách và những hướng dẫn cụ thể về phát triển du lịch xanh. Những vấn đề này cần có những giải pháp để hoàn thiện và phát triển du lịch xanh thời gian tới.

Thông qua nghiên cứu điều tra khảo sát đối với du khách cho thấy tiềm năng phát triển du lịch xanh tại Việt Nam là rất khả thi. Việt Nam có nhiều tiềm năng phát triển sản phẩm du lịch xanh với đa dạng sản phẩm, khả năng tiếp cận du lịch xanh dễ dàng, và các nguồn lực hỗ trợ cho phát triển du lịch xanh cũng đã được nhận diện và đang tạo cho nền tảng tốt. Nghiên cứu cũng đã chỉ ra 6 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch xanh tại Việt Nam bao gồm: (1) Nhân lực ngành du lịch; (2) Chính sách hỗ trợ du lịch xanh; (3) sản phẩm du lịch xanh; (4) cơ sở lưu trú xanh; (5) giao thông đi đến và (6) lựa chọn du lịch xanh của du khách. Trong đó, 4 yếu tố tác động mạnh mẽ nhất là chính sách hỗ trợ phát triển du lịch xanh; nguồn nhân lực cho phát triển du lịch xanh; các sản phẩm du lịch xanh và cơ sở lưu trú.

Trên cơ sở phân tích, đề tài đã đề xuất những giải pháp và kiến nghị để phát triển du lịch xanh của Việt Nam thời gian tới như sau: Xây dựng và hoàn thiện những chính sách hỗ trợ phát triển du lịch xanh; Tăng cường nguồn nhân lực cho phát triển du lịch xanh; Hoàn thiện và đa dạng các sản phẩm du lịch xanh; Phát triển và mở rộng các cơ sở lưu trú cung cấp dịch vụ đạt chứng nhận xanh; Tăng cường vai trò của ngành ngân hàng hỗ trợ phát triển du lịch xanh. Đề tài cũng đã nghiên cứu vai trò và thực trạng hỗ trợ phát triển du lịch xanh của ngân hàng, từ đó đề xuất những giải pháp hỗ trợ từ phía ngân hàng để giúp thúc đẩy phát triển du lịch xanh tại Việt Nam thời gian tới.

3. Đề tài: Giải pháp tăng cường sự tham gia của Việt Nam vào các tổ chức tài chính, tiền tệ, ngân hàng quốc tế trong thời kỳ mới

Chủ nhiệm: ThS. Hoàng Thị Phương Hạnh – Phó Vụ trưởng, Vụ Hợp tác quốc tế, Ngân hàng nhà nước Việt Nam

Mã số: ĐTNH.009/18

Thời gian nghiệm thu: 7/2020

Kết quả nghiệm thu: Giỏi

Các chủ đề nghiên cứu chính:

- Tổng quan về các tổ chức tài chính quốc tế Việt Nam đã tham gia; đánh giá quá trình tham gia của Việt Nam và các bài học về khai thác nguồn lực, xác định vị thế, tiếng nói của Việt Nam tại các tổ chức tài chính quốc tế.
- Bối cảnh mới, những nguồn vốn thay thế và kinh nghiệm của các nước.
- Giải pháp tăng cường sự tham gia của Việt Nam vào các tổ chức tài chính, tiền tệ, ngân hàng quốc tế trong thời kỳ mới.

Mô tả tóm tắt:

Nhằm mục tiêu nghiên cứu đề xuất định hướng chiến lược, chính sách cho Việt Nam đối với việc tham gia các tổ chức tài chính, tiền tệ, ngân hàng quốc tế trong thời kỳ mới, đề tài ĐTNH.009/18 đã triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể sau:

Chương 1 giới thiệu tổng quan về các tổ chức tài chính quốc tế Việt Nam đã tham gia, vai trò của các tổ chức, vấn đề vốn góp và quyền bỏ phiếu của một số tổ chức tiêu biểu như ADB, WB, IMF...

Chương 2 tập trung đánh giá quá trình tham gia của Việt Nam vào các tổ chức tài chính quốc tế theo 02 giai đoạn 1977-1993 và 1993 đến nay, phân tích kinh nghiệm và bài học trong quá trình tham gia của Việt Nam vào các tổ chức tài chính quốc tế trên 2 giác độ: khai thác nguồn lực và vị thế, tiếng nói của Việt Nam tại các tổ chức tài chính quốc tế.

Chương 3 phân tích vấn đề về bối cảnh mới, bao gồm việc Việt Nam đã trở thành quốc gia có thu nhập trung bình, tốt nghiệp các nguồn vốn ưu đãi; phân tích xu thế phát triển của các TCTCNHQT; Kinh nghiệm của các quốc gia khu vực trong việc tăng cường tham gia các TCTCNHQT ở giai đoạn trở thành quốc gia thu nhập trung bình; Nghiên cứu các nguồn vốn thay thế vốn ưu đãi của các TCTCNHQT cũng như nguồn vốn cho khu vực tư nhân – vốn vay không bảo lãnh.

Tại Chương 4, trên cơ sở các nội dung phân tích trên, nhóm nghiên cứu đề tài đề xuất giải pháp tăng cường tham gia của Việt Nam vào các TCTCNHQT trong thời kỳ mới, cụ thể:

- Về khai thác nguồn lực từ các TCTCNHQT trong thời kỳ mới, nhóm nghiên cứu đề xuất tiếp tục khai thác các khoản vay truyền thống; đề xuất định hướng khai thác nguồn lực từ các TCTCNHQT cho khu vực tư nhân trong thời kỳ mới.

- Về giải pháp nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam tại các TCTCNHQT trong thời kỳ mới, nhóm nghiên cứu đề xuất tăng cường vị thế, hiệu quả tham gia của Việt Nam các TCTCNHQT mà Việt Nam là thành viên; tiếp cận, tham gia có chọn lọc vào các TCTCNHQT và sáng kiến thiết lập khuôn khổ hợp tác tài chính mới.

Nhóm nghiên cứu cũng đưa ra các đề xuất về tăng cường năng lực hội nhập quốc tế trong thời kỳ mới cũng như tiến cử người vào các tổ chức quốc tế.

4. Đề tài: Hoàn thiện hệ sinh thái Công nghệ tài chính (Fintech) ở Việt Nam giai đoạn 2018-2025

Chủ nhiệm: ThS. *Nghiêm Thanh Sơn*, Phó Vụ trưởng, Vụ Thanh toán, NHNN

Mã số: ĐTNH.010/18

Thời gian nghiệm thu: 7/2020

Kết quả nghiệm thu: *Giỏi*

Các chủ đề nghiên cứu chính:

- Tổng quan về Fintech và Hệ sinh thái Fintech
- Thực trạng Phát triển Hệ sinh thái Fintech Việt Nam
- Giải pháp hoàn thiện Hệ sinh thái Fintech tại Việt Nam.

Mô tả tóm tắt:

Nhằm phân tích thực trạng hệ sinh thái Fintech ở Việt Nam để đề xuất những giải pháp đối với những thiếu hụt trong các chính sách, thể chế quản lý hiện nay tại Việt Nam, hoàn thiện về thể chế quản lý của các cơ quan quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực Fintech, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho các lĩnh vực hoạt động của Fintech và hoàn thiện cơ chế hoạt động của các thành phần trong Hệ sinh thái Fintech, đề tài ĐTNH.010/18 triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể sau:

Chương 1 nghiên cứu tổng quan về lĩnh vực công nghệ tài chính (Fintech) và hệ sinh thái Fintech; Kinh nghiệm phát triển Hệ sinh thái Fintech tại một số quốc gia như Anh, Hongkong; Singapore, Úc, Thái Lan, Malaysia... Từ đó, rút ra bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam, cụ thể:

- Một cách tổng thể, Chính phủ cần khởi xướng các chương trình, sáng kiến tầm quốc gia để thu hút nguồn lực cho phát triển Fintech.

- Về vấn đề chính sách quản lý, do hệ sinh thái Fintech là phạm trù rộng lớn và liên quan đến nhiều ngành lĩnh vực, xu hướng chung là có sự tham gia của nhiều cơ quan quản lý, trong đó mỗi cơ quan sẽ quản lý theo ngành dọc đối với từng tiểu lĩnh vực Fintech cụ thể. Tuy nhiên, cần cân nhắc việc chỉ định cơ quan đầu mối, nắm vai trò chủ đạo khi xem xét hiệu quả tập trung và tránh chồng chéo trong quy định quản lý. Điều này thấy rõ trong việc quản lý quy định tài chính tại Indonesia khi OJK và BI đều nắm vai trò quản lý trong lĩnh vực Fintech và đều ban hành khuôn khổ pháp lý thử nghiệm.

- Thiết lập Cơ chế quản lý thử nghiệm cho hoạt động Fintech: Việc ban hành Cơ chế quản lý thử nghiệm cho hoạt động Fintech là thực sự cần thiết trong bối cảnh của cuộc cách mạng số và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng của nền kinh tế Việt Nam.

- Thành lập Đơn vị chuyên trách để quản lý lĩnh vực Fintech: Để thực thi và triển khai được các nội dung của khuôn khổ Sandbox, cơ quan quản lý các nước thường có xu hướng thành lập một đơn vị/ bộ phận chuyên trách về lĩnh vực này. Đến nay có trên 30 quốc gia trên thế giới đã thành lập bộ phận quản lý lĩnh vực Fintech (tương đương cấp Vụ) hoặc các Văn phòng đổi mới sáng tạo nhằm bước đầu quản lý hoạt động Fintech và thúc đẩy sự đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

- Đối với yếu tố vốn, Chính phủ nhiều quốc gia đã thực hiện các gói hỗ trợ, viện trợ dành cho các công ty Fintech khởi nghiệp; đặc biệt vốn Chính phủ rất quan trọng trong giai đoạn gọi vốn ban đầu của các công ty khởi nghiệp nói chung và công ty khởi nghiệp trong lĩnh vực Fintech nói riêng.

Tại chương 2, nhóm nghiên cứu phân tích thực trạng phát triển hệ thái fintech Việt Nam, gồm Lịch sử hình thành; Nhu cầu và tiềm năng phát triển; Các lĩnh vực hoạt động chính ...

Chương 2 cũng nghiên cứu khuôn khổ quản lý và pháp lý đối với lĩnh vực Fintech, cho thấy đến thời điểm hiện nay khuôn khổ pháp lý mới chỉ đáp ứng cho lĩnh vực thanh toán, chưa có cơ chế quản lý chung và khuôn khổ pháp lý điều chỉnh đối với từng hoạt động Fintech cụ thể. Một số lĩnh vực Fintech khác như P2P Lending, Crowd-funding, Quản lý tài sản, ICOs...bắt đầu manh nha hoạt động tại Việt Nam nhưng hiện chưa được quy định quản lý tại các văn bản pháp lý chính thức. Về hạn chế và thách thức đối với sự phát triển hệ sinh thái Fintech tại Việt Nam, nghiên cứu chỉ ra các vấn đề cơ bản như: Thiếu hụt khuôn khổ quản lý và pháp lý; Thiếu hụt vốn đầu tư vào các Fintech; Thiếu hụt nguồn nhân lực công nghệ cao; Cơ sở hạ tầng thanh toán và dữ liệu phân tán, thiếu sự kết nối...

Tại Chương 3, trên cơ sở phân tích định hướng của Chính phủ và NHNN đối với sự phát triển của lĩnh vực Fintech, nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp hoàn thiện Hệ sinh thái Fintech tại Việt Nam về các mặt như: Hoàn thiện thể chế quản lý Nhà nước về hoạt động Fintech; Xây dựng khuôn khổ pháp lý đối với lĩnh vực Fintech; Về tăng cường vốn đầu tư của Chính phủ vào lĩnh vực Fintech; Hoàn thiện cơ sở hạ tầng dữ liệu dân cư; Tăng cường đào tạo về số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực phục vụ cho lĩnh vực Fintech; Xây dựng và hoàn thiện hệ thống mạng lưới hỗ trợ đổi mới, sáng tạo của các doanh nghiệp startup nói chung và startup trong lĩnh vực Fintech nói riêng; Tăng cường giáo dục và đào tạo tài chính...

Về lộ trình triển khai, nhóm nghiên cứu cho rằng với sự tiến triển nhanh của công nghệ, cũng như lĩnh vực Fintech, các giải pháp thúc đẩy Hệ sinh thái Fintech tại Việt Nam cần phải được các bên liên quan triển khai nhanh chóng và đồng bộ. Căn cứ vào thực trạng hiện nay của lĩnh vực Fintech tại Việt Nam, Nhóm nghiên cứu đề xuất lộ trình triển khai thông qua hai giai đoạn trong đó giai đoạn 2018 – 2020 tập trung vào việc hoàn thiện nền tảng pháp lý, cơ sở hạ tầng kết nối cũng như nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp Fintech; Giai đoạn 2020-2025 tập trung vào rà soát, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đối với các lĩnh vực cụ thể của Fintech; Mở rộng chuyên ngành đào tạo, đặc biệt các chuyên ngành đào tạo công nghệ mới như AI, công nghệ máy học (Machine learning), Big Data)... để đón đầu và đáp ứng nguồn nhân lực cho lĩnh vực Fintech trong tương lai; đồng thời thực hiện các chính sách thu hút vốn đầu tư từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước vào lĩnh vực Fintech thông qua các chính sách đãi ngộ về thuế, phí.

5. Đề tài: Phối hợp chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ trong rủi ro khủng hoảng nợ công

Chủ nhiệm: PGS.TSKH. Nguyễn Ngọc Thạch, Viện trưởng Viện Nghiên cứu KH&CN ngân hàng, Đại học Ngân hàng TP.HCM

Mã số: ĐTNH.016/18

Thời gian nghiệm thu: 7/2020

Kết quả nghiệm thu: Giỏi

Các chủ đề nghiên cứu chính:

- Cơ sở lý luận về phối hợp chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ trong rủi ro khủng hoảng nợ công;
- Thực trạng phối hợp chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ trong bối cảnh căng thẳng nợ công gia tăng từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới;
- Các cơ chế và giải pháp phối hợp chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ nhằm phòng tránh rủi ro khủng hoảng nợ công tại Việt Nam.

Mô tả tóm tắt:

Nhằm mục tiêu nghiên cứu đề xuất các cơ chế và giải pháp phối hợp giữa chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ (CSTK và CSTT) nhằm phòng tránh khủng hoảng nợ công tại Việt Nam, đề tài ĐTNH.016/18 triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể sau:

Chương 1 nghiên cứu cơ sở lý luận về phối hợp CSTK và CSTT trong rủi ro khủng

hoảng nợ công, gồm các khái niệm cơ bản, cơ chế phối hợp CSTK và CSTT trong rủi ro khủng hoảng nợ công, kinh nghiệm phối hợp CSTK và CSTT trong quản lý nợ công của một số quốc gia trên thế giới. Qua đó, nhóm nghiên cứu rút ra một số kết luận như: Khi CSTT đóng vai trò hỗ trợ CSTK sẽ khiến CSTK trở nên lỏng lẻo, thâm hụt và lạm phát; Để phối hợp CSTK và CSTT có thể phối hợp nhịp nhàng, các quốc gia mới nổi cần tăng cường phát triển thị trường trái phiếu nội địa; Cần củng cố tài khóa; Cần phải có một cơ chế trao đổi thông tin giữa hai cơ quan quản lý; Để giữ ổn định ngân sách và giảm nợ công, một số quốc gia đang phát triển thực thi chính sách lạm phát mục tiêu.

Chương 2 nghiên cứu thực trạng phối hợp CSTK và CSTT trong bối cảnh căng thẳng nợ công gia tăng từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008-2009, đánh giá các mặt được/chưa được trong phối hợp chính sách và nguyên nhân của những hạn chế trong phối hợp CSTK và CSTT trong giai đoạn này. Cụ thể, Nhóm nghiên cứu cho rằng các nguyên nhân cơ bản bao gồm: việc xác định mục tiêu KTVM chưa sát với thực trạng nền kinh tế; Cơ chế chia sẻ và công bố thông tin giữa Bộ Tài chính và NHNN mặc dù đã được thiết lập nhưng các nội dung chưa đầy đủ, thực thi chưa tốt; công tác thống kê, dự báo chưa tốt; Các thiết chế độc lập đánh giá CSTK, CSTT chỉ được sử dụng như các ý kiến tư vấn, do đó chưa hỗ trợ hiệu quả cho quá trình ra quyết định.

Chương 3 triển khai nghiên cứu định lượng về tác động của CSTK và CSTT đến nợ công tại Việt Nam thông qua mối quan hệ giữa các biến tăng trưởng, nợ công, thâm hụt ngân sách, lạm phát, cung tiền. Chương 4 tập trung đề xuất các cơ chế và giải pháp phối hợp CSTK, CSTT nhằm phòng tránh rủi ro khủng hoảng nợ công tại Việt Nam.

6. Đề tài: Định hướng và các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam

Chủ nhiệm: TS. *Nghiêm Xuân Thành* - *Chủ tịch Hội đồng Quản trị, NHTM cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB)*

Mã số: ĐTNH.017/18

Thời gian nghiệm thu: 7/2020

Kết quả nghiệm thu: Xuất sắc

Các chủ đề nghiên cứu chính:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chuyển dịch cơ cấu thu nhập của ngân hàng thương mại (NHTM), phân tích kinh nghiệm các NHTM trên thế giới đối với việc chuyển dịch cơ cấu thu nhập, từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

- Đánh giá thực trạng chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các NHTM Việt Nam trong 05 năm qua (2014-2019).

- Đề xuất định hướng, giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các NHTM tại Việt Nam.

Mô tả tóm tắt:

Nhằm mục tiêu nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để đề xuất định hướng và giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các NHTM theo hướng bền vững, đề tài ĐTNH.017/18 triển khai các nội dung nghiên cứu sau:

Chương 1 nghiên cứu các vấn đề cơ sở lý luận, gồm các vấn đề tổng quan, các tiêu chí đánh giá/các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các NHTM, xu

hướng, thực tiễn về chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các NHTM trên thế giới. Qua đó, nhóm nghiên cứu rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam về điều kiện cần thiết để tăng thu nhập dịch vụ gồm:

- + Điều kiện khách quan: môi trường kinh doanh thuận lợi, mức độ thâm nhập dịch vụ ngân hàng cao, thu nhập bình quân đầu người cao, CP có chính sách hỗ trợ...;
- + Điều kiện nội tại của ngân hàng: chiến lược kinh doanh, giá, phí, sản phẩm, kênh bán hàng, khả năng quản trị...

Chương 2 đánh giá thực trạng chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các NHTM Việt Nam trong 05 năm qua. Theo đó, nhóm tác giả thực hiện đánh giá theo 03 nhóm cơ bản gồm nhóm NHTMCP nhà nước, NHTMCP và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Đề tài cũng thực hiện đánh giá tại 03 ngân hàng tiêu biểu cho 3 nhóm, gồm VCB, Techcombank và HSBC. Qua đó, nhóm nghiên cứu rút ra một số nhận định về quá trình chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các NHTM Việt Nam trong 05 năm qua:

- Cơ cấu thu nhập của các NHTM Việt Nam đã có sự chuyển dịch sang thu dịch vụ nhưng khá chậm;
- Nhóm ngân hàng nước ngoài có sự chuyển dịch mạnh mẽ nhất;
- Về cơ cấu trong thu dịch vụ: nhóm NHTMCP có tỷ trọng thu dịch vụ bình quân lớn nhất, nhóm chi nhánh NH nước ngoài có thu kinh doanh ngoại tệ lớn nhất.

Nhóm nghiên cứu cũng thực hiện đánh giá về các điểm tích cực/hạn chế trong chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các NHTM Việt Nam và phân tích nguyên nhân của các hạn chế.

Chương 3 của đề tài phân tích xu hướng phát triển hoạt động ngân hàng trên thế giới, định hướng phát triển đối với hoạt động của các NHTM Việt Nam để đề xuất các giải pháp chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các NHTM. Theo đó, các giải pháp đề xuất bao gồm:

- Về kinh doanh: Chiến lược kinh doanh cần xác định chuyển dịch cơ cấu thu nhập là định hướng bền vững, dài hạn và cần kiên trì thực hiện; cần phát triển dịch vụ ngân hàng hiện đại, có chính sách giá cả phù hợp, kênh phân phối hợp lý, cải thiện chất lượng dịch vụ ngân hàng...
- Về quản trị điều hành: Cần triển khai các giải pháp đồng bộ về nhân sự; cân nhắc lựa chọn phương thức đầu tư công nghệ; triển khai đồng bộ các biện pháp quản trị rủi ro...

Nhóm nghiên cứu cũng nhận định về các điều kiện cần thiết để thực hiện các giải pháp chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các NHTM, bao gồm:

- Tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định, thúc đẩy hoạt động thương mại, nâng cao thu nhập người dân. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển thị trường vốn nhằm tạo động lực để các NHTM chuyển dịch cơ cấu thu nhập sang thu dịch vụ;
- Cần thúc đẩy tài chính toàn diện nhằm tạo dư địa cho các NHTM mở rộng cung cấp dịch vụ ngân hàng;
- Cần đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu để có thể ứng dụng trong giao dịch ngân hàng;
- Cần có chiến lược đào tạo nguồn nhân lực phù hợp, trọng tâm vào nhân lực có khả năng làm chủ công nghệ và đón đầu xu thế./.

HỘI THẢO KHOA HỌC THÁNG 07 - 2020**1. Ngân hàng sát cánh cùng doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh*****Thời gian tổ chức: 2/7/2020******Đơn vị thực hiện: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và UBND TP. Hồ Chí Minh******Nội dung hội thảo:***

Ngày 2/7/2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) và UBND TP. Hồ Chí Minh đã tổ chức Hội nghị kết nối ngân hàng - doanh nghiệp hỗ trợ doanh nghiệp (DN) phục hồi và phát triển sản xuất - kinh doanh sau dịch Covid-19. Phó Thống đốc Thường trực NHNN Đào Minh Tú và Phó Chủ tịch UBND TP. Hồ Chí Minh Trần Vĩnh Tuyến đồng chủ trì Hội nghị.

Theo báo cáo của NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, thời gian qua, các TCTD trên địa bàn đã tích cực vào cuộc, triển khai Thông tư 01/2020/TT-NHNN để hỗ trợ DN, người dân vượt qua những khó khăn do đại dịch Covid-19 gây ra. Không chỉ cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi suất các khoản vay cũ; các TCTD còn tích cực cho vay mới với lãi suất ưu đãi thấp hơn so với giai đoạn trước dịch để hỗ trợ DN duy trì sản xuất - kinh doanh, từng bước phục hồi sau dịch.

Tính đến thời điểm cuối tháng 6/2020, tổng dư nợ các TCTD trên địa bàn TP. HCM hỗ trợ DN bị ảnh hưởng bởi Covid-19 là 384.610 tỷ đồng. Trong đó, cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho 168.668 khách hàng với dư nợ 64.215 tỷ đồng; miễn giảm lãi cho 17.419 khách hàng với dư nợ 49.971 tỷ đồng; cho vay lũy kế từ 23/1 cho 44.613 khách hàng với doanh số đạt 270.425 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, gói tín dụng cam kết cho vay 2.674 ngàn tỷ đồng do 16 TCTD ký kết với các DN đầu năm 2020 đến nay đã giải ngân được 127.391 tỷ đồng đối với 5.906 khách hàng. NHNN Chi nhánh TP. HCM cũng đã phối hợp với UBND huyện Củ Chi và một số NHTM tổ chức hội nghị kết nối chuyên đề lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn năm 2020 với số tiền là 203,77 tỷ đồng, cho vay 46 khách hàng...

Ghi nhận những hỗ trợ của hệ thống ngân hàng đối với cộng đồng DN trong suốt thời gian qua, đặc biệt là trong giai đoạn dịch Covid-19, ông Nguyễn Phước Hưng - Phó Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp TP. HCM cho biết, Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp là hoạt động chia sẻ rất tích cực mà hệ thống ngân hàng tại TP. HCM đã làm được. Thông qua các chương trình kết nối hàng năm đã có khoảng 30.000 tỷ đồng vốn lãi suất thấp được các DN hấp thụ, đưa vào sản xuất - kinh doanh. Đặc biệt, từ đầu năm đến nay, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nguồn vốn hỗ trợ này càng trở nên quý báu vì hầu hết các DN đều rất khó khăn tìm kiếm nguồn tiền trả nợ và vốn lưu động để duy trì sản xuất, giữ chân người lao động.

Đánh giá cao sự đồng hành chia sẻ của hệ thống TCTD trên địa bàn những tháng vừa qua, ông Trần Vĩnh Tuyến - Phó Chủ tịch UBND TP. HCM cho rằng, điều đó đã góp phần quan trọng giúp cộng đồng DN vượt qua dịch bệnh, ổn định sản xuất - kinh

doanh, duy trì việc làm cho người lao động.

Ông Tuyền cam kết sẽ chỉ đạo các Sở, ngành tại TP. HCM tiếp tục phối hợp chặt chẽ với NHNN Chi nhánh TP. HCM và hệ thống các TCTD trên địa bàn hỗ trợ cộng đồng DN. Theo đó, thành phố yêu cầu tổ công tác hỗ trợ cộng đồng DN khắc phục khó khăn do ảnh hưởng dịch Covid-19 của từng Sở, ngành cần phải sâu sát hơn nữa để ghi nhận đầy đủ các kiến nghị của các DN và ngân hàng nhằm giải quyết những khó khăn phát sinh trong quá trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp. Ngoài ra, ông Tuyền yêu cầu các Sở ngành, quận huyện đẩy mạnh truyền thông tốt hơn các chính sách hỗ trợ tài chính, tín dụng để tất cả các DN có thể tiếp cận được những chính sách mà ngành Ngân hàng đang thực hiện nhằm hỗ trợ DN vượt qua dịch bệnh.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Phó Thống đốc Thường trực NHNN Đào Minh Tú cam kết ngành Ngân hàng sẽ tiếp tục đồng hành với TP. HCM trong việc hỗ trợ DN phục hồi sản xuất - kinh doanh sau thời gian bị ảnh hưởng tiêu cực do dịch Covid-19. Theo đó, chỉ trong vòng 1 tháng, TP. HCM tổ chức liên tiếp 2 Hội nghị để ghi nhận xử lý những khó khăn, vướng mắc của DN trong việc tiếp cận các chính sách tín dụng theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN và đẩy mạnh hoạt động kết nối. Điều này cho thấy sự quan tâm rất sâu sát và quyết liệt của chính quyền TP. HCM và ngành Ngân hàng trên địa bàn.

Để hỗ trợ tối đa cho DN, Phó Thống đốc Đào Minh Tú cho biết, NHNN sẽ tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, giữ ổn định lãi suất và tỷ giá, cân đối các chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng với lạm phát và các chỉ số vĩ mô của nền kinh tế. Riêng đối với các chính sách hỗ trợ DN, NHNN sẽ nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Thông tư 01/2020/TT-NHNN cho phù hợp hơn nữa với tình hình thực tế.

Ngoài ra, NHNN cũng sẽ tiếp tục chỉ đạo hệ thống TCTD xây dựng, hoàn thiện nền tảng công nghệ số, xây dựng đổi mới các sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng để kết nối gần hơn đối với khách hàng không chỉ ở mảng tín dụng vay vốn mà cả ở các mảng thanh toán và dịch vụ tài chính liên quan. Từ đó, tạo nền tảng thuận lợi giúp các DN tiết giảm chi phí, thời gian giao dịch, có điều kiện tận dụng các ưu đãi, hỗ trợ nhiều nhất từ hệ thống các NHTM

Theo sbv.gov.vn

[Tổng thuật hội thảo](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Hội thảo trực tuyến cấp Bộ trưởng G20: “Ứng phó với Covid-19 – Khôi phục dòng vốn bền vững và tài chính phát triển vững mạnh”

Thời gian tổ chức: Ngày 8/7/2020

Đơn vị thực hiện: G20 phối hợp với Diễn đàn Pa-ri

Nội dung hội thảo:

Ngày 8/7/2020, Ả-rập Xê-út, nước Chủ tịch G20 phối hợp với Diễn đàn Pa-ri đã tổ chức Hội thảo trực tuyến cấp Bộ trưởng về “Ứng phó với Covid-19 – Khôi phục dòng vốn bền vững và tài chính phát triển vững mạnh”. Việt Nam tham dự Hội thảo trong vai trò Chủ tịch ASEAN. Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) Nguyễn Thị Hồng và đoàn đại biểu Việt Nam đã tham dự và có bài phát biểu tại Hội thảo.

Hội thảo do Bộ trưởng Tài chính Ả-rập Xê-út Mohammed Aljadaan đồng chủ trì cùng với Tổng Giám đốc Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) Kristalina Georgieva, Chủ tịch Nhóm Ngân hàng Thế giới (WB) David Malpass. Tham dự và phát biểu tại Hội thảo là các Bộ trưởng Tài chính, Thống đốc NHTW các nước G20, lãnh đạo các tổ chức quốc tế như: IMF, WB, OECD cùng các chuyên gia, học giả quốc tế.

Hội thảo được tổ chức trong khuôn khổ Tiến trình Tài chính G20, tập trung thảo luận về việc phối hợp chính sách giữa các tổ chức tài chính quốc tế với các nước và khu vực nhằm hỗ trợ cho các nước tăng cường năng lực tài chính nhằm đối phó với những ảnh hưởng do dịch bệnh gây ra.

Hội thảo đã thảo luận các chương trình hành động của G20 như: Sáng kiến giãn/hoãn nợ của G20 cho các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi, Chương trình Đầu tư châu Phi và các vấn đề khác như giải pháp chính sách và hỗ trợ phục hồi luồng vốn vào các thị trường mới nổi, củng cố nguồn tài chính bền vững cho phục hồi kinh tế.

Phát biểu tại phiên thảo luận về các giải pháp chính sách hỗ trợ phục hồi luồng vốn vào các thị trường mới nổi, Phó Thống đốc NHNN Nguyễn Thị Hồng nhận định: Khác với các cuộc khủng hoảng trước đó như khủng hoảng Châu Á 1997-1998 hay khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2009 khi đó luồng vốn chảy từ các khu vực bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng sang các khu vực không bị tác động, khủng hoảng Covid-19 lần này đang ảnh hưởng đến tất cả các quốc gia trên toàn thế giới. Tại Báo cáo triển vọng kinh tế thế giới (WEO) mới ban hành vừa qua, IMF đã dự báo tăng trưởng âm ở tất cả các khu vực dưới tác động của đại dịch. Vì vậy, luồng chu chuyển vốn toàn cầu, bên cạnh các yếu tố truyền thống, còn chịu tác động của các nhân tố khác như khả năng phòng chống dịch bệnh, nền tảng kinh tế trước dịch Covid-19 và cấu trúc của dòng vốn.

Đối với Việt Nam, Phó Thống đốc chia sẻ, tăng trưởng GDP trong 6 tháng đầu năm tăng 1,81% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó tăng trưởng quý 2 chỉ đạt 0,36%, mức thấp nhất trong vòng 10 năm gần đây, tuy nhiên vẫn duy trì ở mức dương trong khi các khu vực và các nền kinh tế khác đang tăng trưởng âm. Về cơ cấu của nguồn vốn, FDI chiếm đa số trong khi vốn đầu tư gián tiếp chiếm tỷ trọng nhỏ. Vì vậy, tác động lên luồng vốn không đáng kể. Trên thực tế, thị trường Việt Nam đã chứng kiến sự gia tăng trở lại của luồng vốn vào trong quý II nhờ có thành công của Chính phủ và các cơ quan quản lý trong kiểm soát dịch bệnh, duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, giúp tăng cường lòng tin của các nhà đầu tư.

Kết thúc bài phát biểu, Phó Thông đốc kêu gọi các nước G20 và các tổ chức quốc tế chia sẻ thông tin, hợp tác nghiên cứu và hỗ trợ các nước đang phát triển trong các kế hoạch phục hồi tăng trưởng kinh tế nhằm lan tỏa hơn nữa các nỗ lực, hợp tác của G20 với mục tiêu đưa nền kinh tế toàn cầu sớm trở lại quỹ đạo tăng trưởng mạnh, bền vững, cân bằng và toàn diện.

Theo sbv.gov.vn

[Tổng thuật hội thảo](#)

[Trở lại trang đầu](#)

ẤN PHẨM KHOA HỌC THÁNG 07-2020**1. Ngân Hàng Biết Tìm Khách Hàng Ở Đâu?**

Nguồn: NXB Hồng Đức

Tác giả: Trịnh Minh Thảo

Giới thiệu ấn phẩm:

Không có khách hàng để bán!

Đó là lý do chính khiến một bộ phận chuyên viên khách hàng chưa hoàn thành KPIs hàng tháng, kết quả bán đạt thấp và năng suất thì còn xa so với mức kỳ vọng.

Vâng! Không phải do sản phẩm, giá cả hay chính sách ngân hàng mà bởi vì các bạn chưa biết tìm khách hàng ở đâu và làm như thế nào. Đặc biệt trong điều kiện thị trường không được thuận lợi.

Thời gian vừa qua, cùng với sự chững lại của giao dịch bất động sản, quy định của ngân hàng nhà nước về việc hạn chế cho vay trung dài hạn đã có tác động trực tiếp đến tình hình kinh doanh các ngân hàng bán lẻ Việt Nam.

Đối tượng chịu ảnh hưởng ngay tức thì đó chính là lực lượng chuyên viên khách hàng, một thời quen với cho vay bất động sản – khi giao dịch ít dần, khách hàng thưa vắng, đa số các bạn bắt đầu loay hoay chẳng biết bắt đầu từ đâu.

Mặc dù các ngân hàng cũng đã nhanh chóng ban hành các chính sách thúc đẩy tín dụng ngắn hạn hoặc các gói cho vay phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh – nhưng do ít khi làm, nên các bạn gặp nhiều khó khăn.

Nhiều bạn muốn chuyển sang cho vay ô tô nhưng chẳng biết cách nào đặt vấn đề hợp tác với các đại lý. Số khác muốn phục vụ tiểu thương – nhưng nghĩ tới việc phải đến các chợ đầu mối tiếp thị là nản chí. Nhìn thấy mảng nào cũng khó nên xuống tinh thần. Đối với bảo hiểm, thẻ tín dụng, huy động v.v... trước giờ các bạn chưa thực sự quyết liệt nên cũng dè dặt khi phải mời chào.

Nguồn khách hàng ở đâu? Khai thác như thế nào? Phương pháp tiếp cận hiệu quả? ... Đó là bao nhiêu thắc mắc không nhiều bạn có câu trả lời.

‘NGÂN HÀNG BIẾT TÌM KHÁCH HÀNG Ở ĐÂU?’ thảo luận về các nguồn khách hàng tiềm năng, chia sẻ về các phương pháp khai thác với nhiều kinh nghiệm thực tế thành công. Một số chương trong cuốn sách có sử dụng minh họa là các icon nhằm giúp bạn đọc dễ nắm bắt nội dung. Điều đặc biệt, cuốn sách có nhiều câu chuyện điển hình để làm rõ một ý quan trọng: nếu quyết tâm làm thì trong điều kiện nào cũng có giải pháp.

Vấn đề là nếu bạn chỉ đọc thôi thì kết quả bán cũng không thay đổi được mà các hãy mạnh dạn thực hành, áp dụng các kinh nghiệm hoặc nếu nảy ra ý tưởng gì hãy hãy làm

luôn. Cứ thực hành rồi rút kinh nghiệm dần, chắc chắn kết quả sẽ có và kỹ năng cá nhân cũng sẽ tốt hơn.

Viện Chiến lược Ngân hàng giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách này!

[Giới thiệu sách](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Cẩm Nang Kinh Tế Học

Nguồn: NXB ĐH Kinh tế Quốc dân

Tác giả: Ha-Joon Chang

Dịch giả: Nguyễn Tuệ Anh

Giới thiệu ấn phẩm:

Cuốn sách này xuất phát từ ý tưởng của nhà xuất bản Penguin gợi ý cho giáo sư Ha-Joon Chang viết một cuốn sách giới thiệu về kinh tế học có thể tiếp cận được đông đảo người đọc. Ông đã phối hợp cùng với các biên tập viên và các cộng sự trong nhiều lĩnh vực để có góc nhìn đa chiều hơn, gần gũi hơn cho độc giả. Và cuốn sách được hoàn thành sau hai năm với sự giúp đỡ của nhiều người.

Bằng cách đặt vấn đề một cách vô cùng thông minh và có tính hài hước, Ha-Joon Chang đã “giải thiêng” một số quan điểm như: kinh tế học nghiên cứu về “cuộc sống, vũ trụ, và mọi thứ”, hay sự khó khăn chuyên ngành chỉ dành riêng cho các chuyên gia kinh tế học. Cẩm nang kinh tế học chỉ ra rằng, kinh tế học thực sự là vấn đề mà tất cả chúng ta đều phải quan tâm chứ không riêng các chuyên gia.

Ông với mục tiêu rất rõ ràng: chỉ cho người đọc cách suy nghĩ, chứ không phải suy nghĩ gì, về nền kinh tế. Phần đầu của cuốn sách đã đi từ việc hướng dẫn độc giả “Làm quen với kinh tế học”: bàn về kinh tế học là gì (một ngành nghiên cứu về nền kinh tế), nền kinh tế là gì, bằng cách nào nền kinh tế của chúng ta phát triển như ngày hôm nay, và những cách khác nhau để tìm hiểu kinh tế học và ai là những tác nhân kinh tế chính. Sau khi đã “quen thuộc” với kinh tế học, tác giả thảo luận về cách chúng ta có thể “sử dụng” nó để hiểu về thực tiễn của nền kinh tế thế giới.

“Tôi chỉ là một người tiêu dùng thông tin được đưa ra bởi các nhà kinh tế chuyên nghiệp, vậy tôi phải làm gì với kiến thức mới này? Thực sự bạn có thể – và nên làm rất nhiều điều với kiến thức này” - chính là điều Ha-Joon Chang mong mỏi ở độc giả.

Dịch giả TS Nguyễn Tuệ Anh, nghiên cứu sinh tại Đại học Oxford nói rằng : « Điều mà Giáo sư Ha-Joon Chang đã làm trong cuốn sách này chính là bù đắp cho những thiếu sót còn đang tồn tại trong giảng dạy kinh tế và trong thường thức nói chung của xã hội về môn kinh tế học. Ông không chỉ là một nhà nghiên cứu thành công, một người thầy giảng dạy bộ môn theo cách đáng lẽ kinh tế học nên được truyền dạy mà còn là một người ủng hộ những cải cách cần thiết để kinh tế học trở nên gần gũi hơn, mang tính ứng dụng cao và đúng với bản chất của một ngành khoa học xã hội. ».

Viện Chiến lược Ngân hàng giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách này!

[Giới thiệu sách](#)

[Trở lại trang đầu](#)